

**DANH SÁCH XẾP LỚP 10 NĂM HỌC: 2022-2023**

| Stt | Số hồ sơ | SBD   |                    |        | Lớp học | Tính chất lớp                                                    | Ghi chú |
|-----|----------|-------|--------------------|--------|---------|------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | 02       | 9282  | PHAN NGUYỄN THIÊN  | PHÚC   | 10A07   | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |         |
| 2   | 04       | 9504  | VŨ NGÂN            | HÀ     | 10A09   | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |         |
| 3   | 05       | 9523  | VÕ BÍCH            | KHUÊ   | 10D05   | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |         |
| 4   | 07       | 90000 | BÙI NGỌC KHÁNH     | AN     | 10D02   | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ                |         |
| 5   | 09       | 90050 | LÊ NGUYỄN QUỲNH    | ANH    | 10A08   | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |         |
| 6   | 10       | 90052 | LÊ QUANG HUY       | ANH    | 10A06   | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |         |
| 7   | 11       | 90066 | NGUYỄN LÊ PHƯƠNG   | ANH    | 10A11   | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |         |
| 8   | 12       | 90089 | NGUYỄN TRẦN HOÀNG  | ANH    | 10D02   | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ                |         |
| 9   | 13       | 90092 | PHẠM HỒNG          | ANH    | 10A09   | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |         |
| 10  | 14       | 90146 | VÕ THÀNH           | BEN    | 10K1    | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long                  |         |
| 11  | 15       | 90158 | NGUYỄN PHAN BẢO    | CHÂU   | 10K2    | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                        |         |
| 12  | 16       | 90166 | PHẠM MAI           | CHI    | 10A12   | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |         |
| 13  | 17       | 90255 | LÊ ĐẶNG GIA        | HÀO    | 10A06   | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |         |
| 14  | 18       | 90280 | NGÔ QUANG          | HÙNG   | 10A17   | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                       |         |
| 15  | 19       | 90300 | LÊ HỮU QUANG       | HUY    | 10D04   | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ                 |         |
| 16  | 20       | 90307 | NGUYỄN LÊ          | HUY    | 10A09   | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |         |
| 17  | 21       | 90319 | PHAN NGUYỄN GIA    | HUYỀN  | 10A08   | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |         |
| 18  | 22       | 90455 | TRỊNH THANH        | LIÊM   | 10A12   | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |         |
| 19  | 24       | 90489 | TRẦN QUỐC MINH     | LONG   | 10D04   | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ                 |         |
| 20  | 25       | 90527 | PHẠM QUANG         | MINH   | 10A03   | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |         |
| 21  | 26       | 90576 | HUỲNH NGỌC PHƯƠNG  | NGHI   | 10A09   | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |         |
| 22  | 27       | 90623 | NGUYỄN PHÚC        | NGUYỄN | 10A13   | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |         |
| 23  | 28       | 90648 | CHU TRẦN THẢO      | NHI    | 10A02   | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |         |
| 24  | 29       | 90701 | HUỲNH GIA          | PHÚ    | 10A01   | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                       |         |
| 25  | 30       | 90740 | TRƯƠNG NGUYỄN HOÀI | PHƯƠNG | 10D04   | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ                 |         |
| 26  | 31       | 90761 | NGUYỄN THIÊN       | QUỐC   | 10A02   | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |         |

|    |    |       |                   |        |       |                                                           |  |
|----|----|-------|-------------------|--------|-------|-----------------------------------------------------------|--|
| 27 | 32 | 90768 | LÊ HOÀNG NHƯ      | QUỖNH  | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long               |  |
| 28 | 33 | 90785 | NGUYỄN NHẬT       | SANG   | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long |  |
| 29 | 34 | 90824 | NGUYỄN NGỌC       | THIÊN  | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                        |  |
| 30 | 35 | 90831 | NGUYỄN PHÚC       | THỊNH  | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long               |  |
| 31 | 36 | 90845 | HUỖNH PHẠM MINH   | THƯ    | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                |  |
| 32 | 37 | 90853 | NGUYỄN MINH       | THƯ    | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 33 | 38 | 90857 | PHẠM ANH          | THƯ    | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                 |  |
| 34 | 39 | 90864 | ĐẶNG TRẦN QUANG   | THỨC   | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                |  |
| 35 | 40 | 90887 | ĐỖ THÁI           | TRẦN   | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 36 | 41 | 90916 | NGUYỄN NGỌC THANH | TRÚC   | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 37 | 42 | 90934 | NGUYỄN MINH       | TUẦN   | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ  |  |
| 38 | 43 | 90950 | ĐẶNG NHÃ          | UYÊN   | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                |  |
| 39 | 44 | 90978 | LÊ HUY            | VŨ     | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                  |  |
| 40 | 45 | 90981 | LÃ VŨ AI          | VY     | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                |  |
| 41 | 46 | 91019 | PHAN PHÚ          | TRỌNG  | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long           |  |
| 42 | 47 | 91082 | NGUYỄN NGỌC       | HÂN    | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                 |  |
| 43 | 48 | 91089 | LƯU MINH          | HẠO    | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                    |  |
| 44 | 49 | 91098 | BÙI QUỐC          | HÙNG   | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 45 | 50 | 91119 | ĐÀO NGUYỄN        | KHÁNH  | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 46 | 51 | 91125 | LÊ PHẠM ĐĂNG      | KHOA   | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                |  |
| 47 | 53 | 91138 | NGUYỄN HOÀNG YẾN  | LINH   | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 48 | 54 | 91148 | NGUYỄN ĐỨC        | MINH   | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                 |  |
| 49 | 56 | 91177 | NGUYỄN HỒ PHƯƠNG  | NHI    | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                |  |
| 50 | 57 | 91193 | HUỖNH TÂN         | PHƯỚC  | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long          |  |
| 51 | 58 | 91255 | NGUYỄN ANH        | TUẦN   | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long          |  |
| 52 | 59 | 91298 | LÊ QUANG          | BẢO    | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                  |  |
| 53 | 60 | 91318 | GIANG NGUYỄN GIA  | HÂN    | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                |  |
| 54 | 61 | 91336 | HỒ PHÚC MINH      | KHANG  | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long        |  |
| 55 | 62 | 91374 | NGUYỄN ĐÌNH PHÚC  | NGUYỄN | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                    |  |
| 56 | 63 | 91437 | NGUYỄN TUÔNG      | VY     | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                |  |
| 57 | 64 | 91447 | TRẦN THỊ THANH    | THẢO   | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ  |  |
| 58 | 65 | 91448 | LÊ                | THƯỜNG | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long |  |
| 59 | 66 | 91496 | NGUYỄN THÁI       | BẢO    | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 60 | 67 | 91511 | TRẦN HƯƠNG NGỌC   | HÂN    | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 61 | 68 | 91524 | PHẠM QUÝ          | KHAI   | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                 |  |

|    |     |       |                    |        |       |                                                                  |  |
|----|-----|-------|--------------------|--------|-------|------------------------------------------------------------------|--|
| 62 | 70  | 91568 | HỒ THIÊN           | PHÚC   | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 63 | 71  | 91625 | NGUYỄN HỒNG        | HẠNH   | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long                |  |
| 64 | 72  | 91629 | VŨ ĐỨC             | MINH   | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 65 | 73  | 91713 | NGUYỄN ĐÌNH        | HẢI    | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 66 | 74  | 91746 | BÙI TRẦN NGUYỄN    | KHANG  | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 67 | 76  | 91814 | TRẦN LÊ GIA        | LONG   | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                               |  |
| 68 | 77  | 91828 | LÊ HỒNG UYÊN       | MINH   | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                               |  |
| 69 | 78  | 91829 | NGUYỄN BÌNH        | MINH   | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 70 | 80  | 91883 | NGUYỄN HOÀNG       | PHÁT   | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 71 | 81  | 91986 | HỒ NĂNG SUNG       | TÚC    | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                               |  |
| 72 | 82  | 91988 | NGUYỄN MINH        | TỰU    | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 73 | 83  | 92000 | NGUYỄN HOÀNG THANH | VY     | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                       |  |
| 74 | 84  | 92045 | NGUYỄN NGỌC MINH   | CHÂU   | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long                |  |
| 75 | 85  | 92093 | HUỲNH ANH          | HUY    | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 76 | 86  | 92114 | NGUYỄN HOÀNG THIÊN | KIM    | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long                |  |
| 77 | 87  | 92122 | NGUYỄN KHÁNH       | LINH   | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ                |  |
| 78 | 88  | 92185 | BÙI LƯƠNG          | NHÂN   | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 79 | 89  | 92191 | ĐỖ YẾN             | NHI    | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 80 | 90  | 92205 | NGUYỄN NGỌC        | NHU    | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 81 | 91  | 92215 | HỒ LÊ HIỀN         | PHƯƠNG | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ                |  |
| 82 | 92  | 92228 | TRẦN NGUYỄN XUÂN   | QUỲNH  | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 83 | 93  | 92244 | BÙI GIA            | THỊNH  | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 84 | 94  | 92258 | NGUYỄN MAI         | THY    | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 85 | 95  | 92273 | PHÙNG NGỌC BẢO     | TRẦN   | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 86 | 96  | 92297 | PHẠM HOÀNG THẢO    | VÂN    | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long                |  |
| 87 | 97  | 92308 | NGUYỄN YẾN         | VY     | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 88 | 98  | 92317 | TRẦN HUỲNH NHƯ     | Ý      | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 89 | 99  | 92322 | PHẠM LÊ GIA        | BẢO    | 10N   | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Bóng rổ - Ngoại ngữ 1 ( Nhật) |  |
| 90 | 100 | 92339 | BÙI HỒNG           | ANH    | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ         |  |
| 91 | 101 | 92467 | TRẦN NGỌC VIỄN     | ĐÔNG   | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                       |  |
| 92 | 102 | 92582 | NGUYỄN PHÚC        | HUY    | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ                |  |
| 93 | 103 | 92819 | LŨ THỊ BÍCH        | NGỌC   | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                       |  |
| 94 | 104 | 92893 | TRẦN XUÂN          | NHIÊN  | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 95 | 105 | 92990 | ĐỖ MINH            | QUÂN   | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ         |  |

|     |     |        |                          |        |       |                                                                  |  |
|-----|-----|--------|--------------------------|--------|-------|------------------------------------------------------------------|--|
| 96  | 106 | 93062  | NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG       | THẢO   | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 97  | 107 | 93067  | LÊ TRẦN NGỌC             | THIÊN  | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 98  | 108 | 93098  | NGUYỄN NGỌC ĐOAN         | THƯ    | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                       |  |
| 99  | 109 | 93103  | THIỆU NGUYỄN ANH         | THƯ    | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 100 | 110 | 93127  | KHA LÊ                   | TOÀN   | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 101 | 111 | 93201  | TRẦN NGUYỄN MINH         | TUỆ    | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                       |  |
| 102 | 112 | 93341  | PHẠM VĂN TUẤN            | ĐẠT    | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 103 | 113 | 93396  | MẬT NGUYỄN BẢO           | KHÁNH  | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 104 | 114 | 93709  | ĐOÀN LÊ THIÊN            | NHÃ    | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 105 | 115 | 93727  | LÊ TRẦN THUY             | AN     | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 106 | 116 | 93733  | NGUYỄN BÙI NGỌC          | ANH    | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 107 | 117 | 93752  | LÊ NGUYỄN KHÁNH          | GIAO   | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                       |  |
| 108 | 118 | 93776  | ĐOÀN PHAN TRIỆU<br>THIÊN | MAI    | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ         |  |
| 109 | 119 | 93862  | PHAN THÁI ANH            | THƯ    | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 110 | 120 | 93943  | PHẠM THUY                | DƯƠNG  | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ         |  |
| 111 | 121 | 94087  | ĐẶNG PHƯƠNG              | NGÂN   | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 112 | 122 | 94212  | NGUYỄN KHÁNH<br>QUỲNH    | TRÂN   | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 113 | 123 | 94256  | MAI VƯƠNG                | VŨ     | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 114 | 124 | 94289  | NGUYỄN NGỌC              | ANH    | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 115 | 125 | 105276 | PHẠM TRẦN HOÀNG          | CHÂU   | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long                |  |
| 116 | 126 | 94351  | DU GIA                   | HÀO    | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ                |  |
| 117 | 127 | 94414  | NINH VƯƠNG NHIÊN         | MINH   | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long                 |  |
| 118 | 128 | 94546  | TRẦN NGỌC                | TRÂM   | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                       |  |
| 119 | 129 | 94571  | HUỶNH MÃN                | TUỆ    | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 120 | 130 | 94781  | DƯƠNG PHÚC GIA           | NGỌC   | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ         |  |
| 121 | 131 | 94786  | NGUYỄN BẢO               | NGỌC   | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                               |  |
| 122 | 132 | 94869  | NGUYỄN MINH              | THƯ    | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ         |  |
| 123 | 133 | 94940  | HUỶNH MINH               | TUYẾT  | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                       |  |
| 124 | 134 | 94975  | HUỶNH BẢO                | NGUYỄN | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                       |  |
| 125 | 135 | 95256  | NGUYỄN TRƯỞNG TRIỆU      | MÃN    | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ                 |  |
| 126 | 136 | 95328  | VƯƠNG MINH               | ÁNH    | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                       |  |

|     |     |        |                    |        |       |                                                                  |  |
|-----|-----|--------|--------------------|--------|-------|------------------------------------------------------------------|--|
| 127 | 137 | 95393  | TRẦN KHÁNH         | HOÀNG  | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ                |  |
| 128 | 138 | 95848  | TRẦN HỒ YẾN        | NHI    | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 129 | 139 | 95855  | NGUYỄN TÂN         | PHONG  | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 130 | 140 | 95970  | PHẠM NGUYỄN NAM    | PHƯƠNG | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 131 | 141 | 100003 | TRẦN BẢO           | AN     | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                       |  |
| 132 | 142 | 100018 | HOÀNG TRÂM         | ANH    | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ                |  |
| 133 | 143 | 100021 | LÊ DOÃN HẢI        | ANH    | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long                  |  |
| 134 | 144 | 100031 | NGUYỄN MINH        | ANH    | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 135 | 145 | 100058 | NGÔ QUỐC           | BẢO    | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long                |  |
| 136 | 146 | 100069 | NGUYỄN CAO         | CUÔNG  | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long                  |  |
| 137 | 148 | 100091 | TRƯƠNG VŨ DOANH    | DOANH  | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                       |  |
| 138 | 149 | 100095 | ĐÀM KIẾN           | ĐỨC    | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long                  |  |
| 139 | 151 | 100106 | MAI ÁNH            | DƯƠNG  | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 140 | 152 | 100113 | NGUYỄN PHẠM PHƯƠNG | DUY    | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                               |  |
| 141 | 153 | 100117 | LÊ NGÂN            | GIANG  | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ                 |  |
| 142 | 154 | 100121 | VŨ SƠN             | HÀ     | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 143 | 156 | 100174 | CHU XUÂN           | HUY    | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 144 | 158 | 100186 | PHẠM QUANG         | HUY    | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 145 | 159 | 100194 | NGUYỄN MINH        | KHẢI   | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 146 | 160 | 100266 | NGUYỄN THÀNH       | KỶ     | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                           |  |
| 147 | 161 | 100280 | NGUYỄN TRẦN BẢO    | LINH   | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 148 | 162 | 100300 | LÂM THẾ            | LUÂN   | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                               |  |
| 149 | 163 | 100303 | BÙI NGỌC           | MAI    | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                           |  |
| 150 | 164 | 100322 | NGUYỄN NGỌC        | MINH   | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                        |  |
| 151 | 165 | 100333 | CAO HUỲNH KHẢI     | MY     | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long                  |  |
| 152 | 167 | 100368 | PHAN NGUYỄN SONG   | NGỌC   | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ                |  |
| 153 | 168 | 100385 | PHẠM MINH          | NHẬT   | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ                 |  |
| 154 | 169 | 100421 | LÊ QUỐC            | PHONG  | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 155 | 170 | 100425 | DƯƠNG HỒNG         | PHÚC   | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                           |  |
| 156 | 171 | 100473 | NGÔ BẢO NAM        | SAN    | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ                 |  |
| 157 | 172 | 100511 | LÊ HUYỀN           | THÔNG  | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 158 | 173 | 100561 | PHẠM NGUYỄN        | TRÍ    | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 159 | 174 | 100563 | PHẠM MINH          | TRIẾT  | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 160 | 175 | 100569 | ĐÀO ĐỨC            | TRỌNG  | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ         |  |

|     |     |        |                   |       |       |                                                                  |  |
|-----|-----|--------|-------------------|-------|-------|------------------------------------------------------------------|--|
| 161 | 176 | 100585 | TĂNG KHUÊ         | TÚ    | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 162 | 177 | 100659 | LÊ NGUYỄN DUY     | ANH   | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 163 | 178 | 100660 | LÊ NHẬT           | ANH   | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                               |  |
| 164 | 179 | 100685 | NGUYỄN THIÊN      | ANH   | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 165 | 180 | 100750 | TRẦN TRIẾT        | ĐẠT   | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                       |  |
| 166 | 181 | 100752 | TRẦN KHÁNH        | DƯ    | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 167 | 182 | 100767 | ĐÌNH TẤN          | DỪNG  | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 168 | 183 | 100769 | LƯƠNG ĐỨC         | DỪNG  | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 169 | 184 | 100782 | PHẠM THỊ ÁNH      | DƯƠNG | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long                |  |
| 170 | 185 | 100799 | VÕ TRẦN KỲ        | DUYÊN | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ                 |  |
| 171 | 186 | 100843 | VƯƠNG TRẦN BẢO    | HÂN   | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 172 | 187 | 100870 | TRẦN QUANG NGUYỄN | HINH  | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ                 |  |
| 173 | 188 | 100885 | ĐỖ PHẠM THANH     | HÙNG  | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 174 | 189 | 100892 | ĐÀO MẠNH GIA      | HÙNG  | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 175 | 190 | 100904 | NGUYỄN NGỌC QUỲNH | HƯƠNG | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 176 | 191 | 100906 | ĐẶNG GIA          | HUY   | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 177 | 192 | 100945 | ĐẶNG MINH         | KHANG | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 178 | 193 | 100948 | HÀ THỂ            | KHANG | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long                  |  |
| 179 | 194 | 100954 | NGUYỄN HOÀNG      | KHANG | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 180 | 195 | 100955 | NGUYỄN HOÀNG      | KHANG | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 181 | 196 | 100975 | LÊ THIÊN          | KHÁNH | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ                 |  |
| 182 | 197 | 100979 | PHẠM QUỐC         | KHÁNH | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                        |  |
| 183 | 198 | 100986 | NGUYỄN MINH       | KHOA  | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 184 | 199 | 101038 | HỨA CÁT           | LINH  | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 185 | 200 | 101052 | VÕ QUỲNH          | LINH  | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 186 | 201 | 101056 | VÕ QUANG          | LỘC   | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 187 | 202 | 101072 | QUÁCH MINH        | LONG  | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 188 | 203 | 101086 | NGUYỄN THỊ TUYẾT  | MAI   | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 189 | 204 | 101107 | NGUYỄN HUỲNH NGỌC | MINH  | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long                 |  |
| 190 | 205 | 101176 | NGUYỄN KHÁNH      | NGỌC  | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 191 | 206 | 101209 | NGUYỄN MINH       | NHẬT  | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 192 | 207 | 101240 | TRƯƠNG TRẦN NGỌC  | NHƯ   | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ                |  |
| 193 | 208 | 101290 | VÕ TẤN            | PHÚC  | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 194 | 209 | 101320 | NGUYỄN KHA MINH   | QUÂN  | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long                |  |
| 195 | 210 | 101323 | NGUYỄN MINH       | QUÂN  | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |

|     |     |        |                   |        |       |                                                           |  |
|-----|-----|--------|-------------------|--------|-------|-----------------------------------------------------------|--|
| 196 | 212 | 101340 | TRẦN NGHI         | QUANG  | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long |  |
| 197 | 213 | 101362 | BÙI ĐÌNH THÁI     | SƠN    | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                  |  |
| 198 | 214 | 101382 | NGUYỄN DUY        | THÁI   | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 199 | 215 | 101396 | NGUYỄN NGỌC ĐAN   | THANH  | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long          |  |
| 200 | 216 | 101405 | NGUYỄN THỊ NGỌC   | THẢO   | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                |  |
| 201 | 217 | 101550 | NGUYỄN ĐOÀN THANH | TRÚC   | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long               |  |
| 202 | 218 | 101554 | LÊ THÀNH          | TRUNG  | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                |  |
| 203 | 219 | 101557 | TRẦN MINH         | TRUNG  | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long               |  |
| 204 | 220 | 101616 | NGUYỄN PHƯƠNG     | VY     | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long        |  |
| 205 | 221 | 101617 | NGUYỄN THANH      | VY     | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long          |  |
| 206 | 222 | 101640 | NGUYỄN NGỌC NHƯ   | Ý      | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                |  |
| 207 | 223 | 101648 | ĐỖ PHƯƠNG         | AN     | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                |  |
| 208 | 224 | 101652 | NGUYỄN HOÀNG      | AN     | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                    |  |
| 209 | 225 | 101683 | LÂM MỸ            | ANH    | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long         |  |
| 210 | 226 | 101697 | NGUYỄN DUY        | ANH    | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                 |  |
| 211 | 227 | 101699 | NGUYỄN HOÀNG      | ANH    | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                 |  |
| 212 | 228 | 101705 | NGUYỄN MẠC QUỲNH  | ANH    | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long        |  |
| 213 | 229 | 101726 | PHẠM MINH         | ANH    | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                       |  |
| 214 | 230 | 101731 | PHÙNG QUANG       | ANH    | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 215 | 231 | 101736 | TRẦN NGỌC         | ANH    | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long        |  |
| 216 | 232 | 101737 | TRẦN NGỌC ĐOÀN    | ANH    | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 217 | 233 | 101744 | VÕ NGỌC THỤY      | ANH    | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ          |  |
| 218 | 234 | 101745 | VÕ PHƯƠNG         | ANH    | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                  |  |
| 219 | 235 | 101752 | ĐOÀN MAI VIỆT     | BẢO    | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                       |  |
| 220 | 236 | 101783 | NGUYỄN NGỌC BẢO   | CHÂU   | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                 |  |
| 221 | 237 | 101792 | PHẠM HOÀNG        | CHƯƠNG | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long               |  |
| 222 | 238 | 101799 | BÙI MINH CÔNG     | DANH   | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ         |  |
| 223 | 239 | 101802 | ĐẶNG QUANG        | ĐẠO    | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                        |  |
| 224 | 240 | 101804 | ĐẶNG THÀNH        | ĐẠT    | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 225 | 241 | 101808 | TRẦN BUI QUỐC     | ĐẠT    | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long          |  |
| 226 | 242 | 101821 | NGUYỄN MINH       | ĐỨC    | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                  |  |
| 227 | 243 | 101832 | NGUYỄN TRÍ        | DŨNG   | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                |  |
| 228 | 244 | 101843 | PHẠM MINH         | DUY    | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 229 | 245 | 101850 | NGUYỄN NGÂN       | HÀ     | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                 |  |
| 230 | 246 | 101854 | TRẦN VŨ           | HẠ     | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                  |  |

|     |     |        |                  |       |       |                                                           |  |
|-----|-----|--------|------------------|-------|-------|-----------------------------------------------------------|--|
| 231 | 247 | 101869 | NGÔ TRƯỜNG KHẢ   | HÂN   | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                 |  |
| 232 | 248 | 101871 | NGUYỄN NGỌC GIA  | HÂN   | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                 |  |
| 233 | 249 | 101881 | TRIỆU GIA        | HÂN   | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                        |  |
| 234 | 250 | 101895 | CHU MINH         | HIẾU  | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                 |  |
| 235 | 252 | 101930 | VÕ BẮ            | HUNG  | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long          |  |
| 236 | 253 | 101962 | PHẠM ĐĂNG        | KHẢI  | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                 |  |
| 237 | 254 | 101969 | LÂM HOÀNG        | KHANG | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                  |  |
| 238 | 255 | 101983 | NGUYỄN PHÚ       | KHANG | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 239 | 256 | 101989 | TRẦN DUY         | KHANG | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                 |  |
| 240 | 257 | 101996 | VŨ MINH          | KHANG | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                |  |
| 241 | 258 | 102005 | NGUYỄN NGỌC BẢO  | KHANH | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ         |  |
| 242 | 259 | 102018 | NGUYỄN DUY       | KHIÊM | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long          |  |
| 243 | 260 | 102047 | NGUYỄN TUẤN      | KHÔI  | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long          |  |
| 244 | 261 | 102061 | PHAN NGỌC BẢO    | KHUỄ  | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long |  |
| 245 | 262 | 102065 | NGUYỄN ĐỨC       | KIÊN  | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                  |  |
| 246 | 263 | 102074 | ĐỖ TRẦN THIÊN    | KIM   | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                       |  |
| 247 | 264 | 102088 | NGUYỄN TRẦN NHẬT | LÂM   | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                    |  |
| 248 | 265 | 102089 | TRẦN ĐỨC         | LÂM   | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 249 | 266 | 102095 | CAO HOÀNG KHÁNH  | LINH  | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 250 | 267 | 102115 | TRẦN KHÁNH       | LINH  | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long         |  |
| 251 | 268 | 102134 | TRẦN KIM         | LONG  | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long               |  |
| 252 | 269 | 102140 | TRẦN GIA         | LUÂN  | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ  |  |
| 253 | 270 | 102150 | ĐÀO ĐÌNH         | MINH  | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 254 | 271 | 102153 | DƯƠNG HOÀNG      | MINH  | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                 |  |
| 255 | 272 | 102160 | LUU ANH          | MINH  | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long          |  |
| 256 | 273 | 102170 | NGUYỄN TẤN       | MINH  | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long |  |
| 257 | 274 | 102187 | VŨ HOÀNG CÁT     | MINH  | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                       |  |
| 258 | 275 | 102189 | BÙI NGUYỄN HÀ    | MY    | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                  |  |
| 259 | 276 | 102190 | BÙI NGUYỄN KHÁNH | MY    | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 260 | 277 | 102198 | PHẠM TRẦN NGỌC   | MỸ    | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long          |  |
| 261 | 278 | 102204 | NGUYỄN HOÀNG     | NAM   | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 262 | 279 | 102205 | NGUYỄN HOÀNG     | NAM   | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ         |  |
| 263 | 280 | 102249 | NGUYỄN HIẾU      | NGHĨA | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                  |  |
| 264 | 281 | 102255 | CHIENG SIEW      | NGỌC  | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                    |  |
| 265 | 282 | 102256 | ĐÀO THỊ BẢO      | NGỌC  | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long         |  |

|     |     |        |                   |        |       |                                                                  |  |
|-----|-----|--------|-------------------|--------|-------|------------------------------------------------------------------|--|
| 266 | 283 | 102260 | LÊ KHÁNH          | NGỌC   | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long                  |  |
| 267 | 284 | 102275 | VŨ KIM            | NGỌC   | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 268 | 286 | 102291 | TRƯƠNG THÁI       | NGUYỄN | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 269 | 287 | 102301 | NGUYỄN HUỲNH MINH | NHẬT   | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 270 | 288 | 102314 | VÕ HOÀNG TUYẾT    | NHI    | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long                 |  |
| 271 | 289 | 102319 | ĐÌNH NGỌC HỒNG    | NHU    | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long                |  |
| 272 | 290 | 102321 | NGUYỄN NGỌC QUỲNH | NHU    | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long                  |  |
| 273 | 291 | 102342 | LÊ NGUYỄN ĐỨC     | PHÚ    | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 274 | 292 | 102374 | ĐỖ LAM            | PHƯƠNG | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 275 | 293 | 102391 | NGÔ PHAN MINH     | QUÂN   | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long                  |  |
| 276 | 294 | 102396 | NGUYỄN TRÚC       | QUÂN   | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ                |  |
| 277 | 295 | 102401 | LƯU QUỐC          | QUANG  | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                       |  |
| 278 | 296 | 102419 | ĐÌNH NGUYỄN XUÂN  | SƠN    | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long                 |  |
| 279 | 297 | 102423 | TRẦN HOÀNG        | SƠN    | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 280 | 298 | 102427 | NGUYỄN THÀNH      | TÀI    | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                       |  |
| 281 | 299 | 102469 | LÊ NGUYỄN GIA     | THỊNH  | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ                |  |
| 282 | 300 | 102481 | BÙI MINH          | THU    | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ                |  |
| 283 | 301 | 102482 | HOÀNG ANH         | THU    | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 284 | 302 | 102519 | LÊ TRUNG          | TÔN    | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 285 | 303 | 102553 | PHẠM HÀ TRỌNG     | TRÍ    | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ                |  |
| 286 | 304 | 102567 | CAO HOÀNG         | TRỤ    | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                       |  |
| 287 | 305 | 102571 | CÔ QUỐC           | TRUNG  | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 288 | 306 | 102585 | DƯƠNG ANH         | TUÂN   | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 289 | 308 | 102605 | NGUYỄN THANH      | UYÊN   | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long               |  |
| 290 | 309 | 102616 | ĐOÀN QUANG        | VINH   | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 291 | 310 | 102622 | NGUYỄN PHÚ        | VƯƠNG  | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ                |  |
| 292 | 311 | 102656 | ĐOÀN NGỌC THIÊN   | Ý      | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 293 | 312 | 102683 | MIYASHITA         | AKANE  | 10N   | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Bóng rổ - Ngoại ngữ 1 ( Nhật) |  |
| 294 | 313 | 102685 | THÂN ĐỨC PHƯỚC    | AN     | 10N   | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Bóng rổ - Ngoại ngữ 1 ( Nhật) |  |
| 295 | 314 | 102700 | TRƯƠNG BẢO        | NGỌC   | 10N   | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Bóng rổ - Ngoại ngữ 1 ( Nhật) |  |
| 296 | 315 | 102750 | BÙI QUỲNH         | ANH    | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 297 | 316 | 102768 | NGÔ MINH          | ANH    | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long                |  |
| 298 | 317 | 102924 | ĐỖ ĐỨC            | HUY    | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 299 | 318 | 102954 | HUỲNH QUANG       | KHÁNH  | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 300 | 319 | 102964 | NGUYỄN ĐĂNG       | KHOA   | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ                 |  |

|     |     |        |                   |        |       |                                                                  |  |
|-----|-----|--------|-------------------|--------|-------|------------------------------------------------------------------|--|
| 301 | 320 | 103004 | NGUYỄN VŨ KHÁNH   | LINH   | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 302 | 321 | 103025 | TRỊNH HOÀNG       | LONG   | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long                 |  |
| 303 | 322 | 103045 | NGUYỄN PHÚC HẢI   | MY     | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                       |  |
| 304 | 323 | 103079 | LÊ NGUYỄN HOÀNG   | NGUYỄN | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ                |  |
| 305 | 324 | 103096 | NGUYỄN UYÊN       | NHI    | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long                 |  |
| 306 | 326 | 103189 | ĐỖ HOÀN           | THIỆN  | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                       |  |
| 307 | 327 | 103219 | VŨ HỒNG ANH       | THU    | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                       |  |
| 308 | 328 | 103271 | TẠ QUANG          | TRƯỜNG | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long                  |  |
| 309 | 329 | 103289 | LÊ QUỐC           | VIỆT   | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long                  |  |
| 310 | 330 | 103305 | LÊ HOÀNG PHƯƠNG   | VY     | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ         |  |
| 311 | 331 | 103427 | NGUYỄN MINH       | DƯƠNG  | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                        |  |
| 312 | 332 | 103457 | HUỲNH HUY         | HOÀNG  | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 313 | 333 | 103462 | TRẦN NHẬT         | HOÀNG  | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ                 |  |
| 314 | 334 | 103515 | NGUYỄN ĐỨC NGUYỄN | KHÔI   | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 315 | 335 | 103537 | DƯƠNG NGUYỄN SONG | LIÊN   | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 316 | 336 | 103625 | HOÀNG THẾ BẢO     | NGUYỄN | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 317 | 337 | 104138 | NGUYỄN VŨ NHẬT    | MINH   | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ                |  |
| 318 | 338 | 104383 | NGÔ QUỐC          | TRUNG  | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ                 |  |
| 319 | 339 | 104442 | NGÔ THIÊN         | AN     | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ                 |  |
| 320 | 340 | 104457 | TRƯƠNG LAM        | ÂN     | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 321 | 341 | 104481 | LÊ NGUYỄN HỒNG    | ANH    | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                       |  |
| 322 | 342 | 104497 | NGUYỄN PHƯƠNG     | ANH    | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                       |  |
| 323 | 343 | 104505 | NGUYỄN TRÂM       | ANH    | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long               |  |
| 324 | 344 | 104523 | PHAN NHẬT         | ANH    | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 325 | 345 | 104528 | TRẦN MỸ           | ANH    | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                           |  |
| 326 | 346 | 104529 | TRẦN NGỌC BẢO     | ANH    | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ                |  |
| 327 | 347 | 104534 | TRẦN QUỐC         | ANH    | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 328 | 348 | 104542 | VŨ ĐÌNH DUY       | ANH    | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                       |  |
| 329 | 349 | 104544 | BÙI NGUYỆT        | ÁNH    | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 330 | 350 | 104547 | PHAN NHẬT         | ÁNH    | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 331 | 351 | 104563 | HOÀNG TRẦN QUỐC   | BẢO    | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 332 | 352 | 104571 | NGUYỄN THIÊN      | BẢO    | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 333 | 353 | 104586 | BÙI LÊ Y          | BÌNH   | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 334 | 354 | 104587 | ĐỖ NGHI           | BÌNH   | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                       |  |
| 335 | 355 | 104590 | PHAN NHÃ          | BÌNH   | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |

|     |     |        |                    |       |       |                                                                  |  |
|-----|-----|--------|--------------------|-------|-------|------------------------------------------------------------------|--|
| 336 | 356 | 104594 | ĐÌNH HỒ BẢO        | CHÂU  | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 337 | 358 | 104606 | TRẦN NGỌC MINH     | CHÂU  | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 338 | 359 | 104612 | PHAN QUỲNH         | CHI   | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 339 | 360 | 104622 | LÊ PHƯƠNG          | ĐAN   | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 340 | 361 | 104623 | NGUYỄN PHẠM PHƯƠNG | ĐAN   | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 341 | 362 | 104626 | NGUYỄN HẢI         | ĐĂNG  | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long                 |  |
| 342 | 363 | 104627 | NGUYỄN LƯU NHẬT    | ĐĂNG  | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long                 |  |
| 343 | 364 | 104638 | NGUYỄN ĐÓN         | ĐẠT   | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long                  |  |
| 344 | 365 | 104639 | NGUYỄN LÊ THÀNH    | ĐẠT   | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ         |  |
| 345 | 366 | 104640 | NGUYỄN PHƯỚC       | ĐẠT   | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 346 | 367 | 104643 | ĐẶNG NGỌC PHƯƠNG   | DI    | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                       |  |
| 347 | 368 | 104644 | NGUYỄN KHÁ         | DI    | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long                |  |
| 348 | 369 | 104651 | LÊ KHÁ             | DOANH | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long               |  |
| 349 | 370 | 104660 | NGUYỄN HỒ MINH     | ĐỨC   | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 350 | 371 | 104671 | TRƯƠNG LÊ HOÀNG    | DUNG  | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                           |  |
| 351 | 372 | 104672 | BÙI TÂN            | DỪNG  | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 352 | 373 | 104673 | HOÀNG NGUYỄN MẠNH  | DỪNG  | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long                 |  |
| 353 | 374 | 104678 | VÕ QUỐC            | DỪNG  | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 354 | 375 | 104681 | PHAN ĐẶNG ÁNH      | DƯƠNG | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 355 | 376 | 104683 | ĐẶNG ĐĂNG          | DUY   | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ                 |  |
| 356 | 377 | 104690 | NGUYỄN HÀ BẢO      | DUY   | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 357 | 378 | 104694 | NGUYỄN NHẬT        | DUY   | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long                  |  |
| 358 | 379 | 104699 | TRẦN HOÀI VŨ       | DUY   | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 359 | 380 | 104701 | TRƯƠNG HỒNG BẢO    | DUY   | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ                |  |
| 360 | 381 | 104709 | LÊ VÕ KHÁNH        | GIANG | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long               |  |
| 361 | 382 | 104711 | NGUYỄN LINH        | GIANG | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 362 | 383 | 104712 | NGUYỄN SONG        | GIANG | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 363 | 384 | 104720 | LÊ MINH DUYÊN      | HÀ    | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 364 | 385 | 104725 | LÊ HOÀNG           | HẢI   | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 365 | 386 | 104726 | TẠ THANH           | HẢI   | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                       |  |
| 366 | 387 | 104727 | TRẦN ĐỨC           | HẢI   | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 367 | 388 | 104730 | BÙI NGỌC MAI       | HÂN   | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 368 | 389 | 104741 | HUỲNH GIA          | HÂN   | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                       |  |
| 369 | 390 | 104751 | NGÔ KHÁNH          | HÂN   | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |

|     |     |        |                   |       |       |                                                                  |  |
|-----|-----|--------|-------------------|-------|-------|------------------------------------------------------------------|--|
| 370 | 391 | 104754 | NGUYỄN GIA        | HÂN   | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                       |  |
| 371 | 392 | 104771 | NGUYỄN MINH       | HĂNG  | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 372 | 393 | 104779 | NGUYỄN PHÚC       | HẬU   | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 373 | 394 | 104780 | TRẦN THANH        | HẬU   | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 374 | 395 | 104782 | TRẦN NGỌC MINH    | HIỀN  | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long                |  |
| 375 | 396 | 104785 | TRẦN ĐỨC          | HIỀN  | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ         |  |
| 376 | 397 | 104791 | TRẦN GIA          | HIẾU  | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ                 |  |
| 377 | 398 | 104803 | NGUYỄN VIỆT       | HOÀNG | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 378 | 399 | 104821 | HÀ TRUNG          | HUNG  | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 379 | 400 | 104823 | LÝ NHẬT TRƯỜNG    | HUNG  | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long                  |  |
| 380 | 401 | 104835 | BÙI GIA           | HUY   | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 381 | 402 | 104842 | LỢI CẨM           | HUY   | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 382 | 403 | 104846 | NGUYỄN TRƯỞNG GIA | HUY   | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long                  |  |
| 383 | 404 | 104857 | TRẦN QUANG        | HUY   | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                               |  |
| 384 | 405 | 104866 | TRẦN THỊ KIM      | HUYỀN | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 385 | 406 | 104870 | BÙI HOÀNG         | KHA   | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                               |  |
| 386 | 407 | 104881 | DƯƠNG HOÀNG PHÚC  | KHANG | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                               |  |
| 387 | 408 | 104887 | LÊ TRẦN BẢO       | KHANG | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 388 | 409 | 104893 | NGUYỄN HUY        | KHANG | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 389 | 410 | 104897 | NGUYỄN MINH NHẬT  | KHANG | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                        |  |
| 390 | 412 | 104905 | PHẠM PHÚ GIA      | KHANG | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 391 | 413 | 104907 | TỔNG NGUYỄN       | KHANG | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long               |  |
| 392 | 414 | 104911 | TRẦN NGỌC NAM     | KHANG | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long                  |  |
| 393 | 415 | 104916 | VÕ NGUYỄN         | KHANG | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 394 | 416 | 104927 | NGUYỄN QUANG NAM  | KHÁNH | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 395 | 417 | 104934 | NGUYỄN GIA        | KHIÊM | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long                |  |
| 396 | 418 | 104940 | LÊ ANH            | KHOA  | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 397 | 419 | 104943 | LÊ XUÂN           | KHOA  | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 398 | 420 | 104944 | LUU ĐĂNG          | KHOA  | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long                |  |
| 399 | 421 | 104956 | NGUYỄN NGỌC ANH   | KHOA  | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 400 | 422 | 104957 | NGUYỄN TẤN ĐĂNG   | KHOA  | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 401 | 423 | 104960 | TRẦN ĐĂNG         | KHOA  | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ                |  |
| 402 | 425 | 104970 | VŨ VĂN ANH        | KHOA  | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 403 | 426 | 104971 | CAI NHẬT GIA      | KHÔI  | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long                  |  |
| 404 | 427 | 104974 | LÊ THÀNH          | KHÔI  | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |

|     |     |        |                    |      |       |                                                           |  |
|-----|-----|--------|--------------------|------|-------|-----------------------------------------------------------|--|
| 405 | 428 | 104980 | NGUYỄN HỮU         | KHÔI | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ         |  |
| 406 | 429 | 104983 | NGUYỄN TRỌNG       | KHÔI | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long               |  |
| 407 | 430 | 104984 | PHẠM ANH           | KHÔI | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long |  |
| 408 | 431 | 104991 | TRẦN MINH          | KHÔI | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long           |  |
| 409 | 432 | 104993 | VÕ ĐĂNG            | KHÔI | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                    |  |
| 410 | 433 | 104994 | VÕ DUY             | KHÔI | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                       |  |
| 411 | 434 | 105003 | LÊ TRUNG           | KIÊN | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 412 | 435 | 105004 | NGUYỄN HOÀNG TRUNG | KIÊN | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 413 | 436 | 105012 | TRẦN TUẤN          | KIẾT | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long          |  |
| 414 | 437 | 105015 | ĐỖ NGỌC BẢO        | KIM  | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long        |  |
| 415 | 438 | 105016 | ĐỖ NGỌC PHƯƠNG     | KIM  | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                  |  |
| 416 | 439 | 105024 | TRẦN NGUYỄN THIÊN  | KIM  | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long        |  |
| 417 | 440 | 105027 | NGUYỄN XUÂN        | KỶ   | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long               |  |
| 418 | 441 | 105030 | NGUYỄN NGỌC BẢO    | LAM  | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                       |  |
| 419 | 442 | 105031 | NGUYỄN NGỌC QUỲNH  | LAM  | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                |  |
| 420 | 443 | 105034 | HÀ VĨ              | LÂM  | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                |  |
| 421 | 444 | 105036 | NGUYỄN TRỌNG       | LÂM  | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                  |  |
| 422 | 445 | 105041 | PHAN LÊ HOÀNG      | LAN  | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                    |  |
| 423 | 446 | 105043 | TRẦN HOÀNG PHƯƠNG  | LÊ   | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 424 | 447 | 105047 | ĐẶNG THẢO          | LINH | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long         |  |
| 425 | 448 | 105055 | LÊ PHƯỚC KHÁNH     | LINH | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                       |  |
| 426 | 449 | 105057 | LÊ THẢO            | LINH | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ          |  |
| 427 | 450 | 105064 | NGUYỄN TRẦN KHÁNH  | LINH | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long               |  |
| 428 | 451 | 105086 | LÊ HOÀNG BẢO       | LONG | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                 |  |
| 429 | 452 | 105106 | NGÔ NGUYỄN TRÚC    | MAI  | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long |  |
| 430 | 453 | 105113 | BÙI NGUYỄN ÁNH     | MINH | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long          |  |
| 431 | 454 | 105114 | BÙI XUÂN           | MINH | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 432 | 455 | 105115 | CAO QUANG          | MINH | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                       |  |
| 433 | 456 | 105124 | LÊ QUANG           | MINH | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long |  |
| 434 | 457 | 105129 | NGUYỄN HOÀNG NGỌC  | MINH | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long        |  |
| 435 | 458 | 105141 | TRẦN NGUYỄN CÔNG   | MINH | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                       |  |
| 436 | 459 | 105148 | ĐẶNG NGUYỆT        | MY   | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                        |  |
| 437 | 461 | 105156 | TRƯƠNG TÚ          | MY   | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                    |  |
| 438 | 462 | 105177 | LAI KIM            | NGÂN | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long               |  |

|     |     |        |                   |        |       |                                                           |  |
|-----|-----|--------|-------------------|--------|-------|-----------------------------------------------------------|--|
| 439 | 463 | 105183 | NGUYỄN ĐỖ KIM     | NGÂN   | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 440 | 464 | 105184 | NGUYỄN LÊ HỒNG    | NGÂN   | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long |  |
| 441 | 465 | 105195 | TRƯƠNG ĐOÀN KHÁNH | NGÂN   | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long           |  |
| 442 | 466 | 105197 | BẠCH PHƯƠNG       | NGHI   | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 443 | 467 | 105198 | ĐẶNG VĨNH         | NGHI   | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                |  |
| 444 | 468 | 105201 | ĐỖ GIA            | NGHI   | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 445 | 469 | 105212 | PHẠM HỒNG KHÁNH   | NGHI   | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                       |  |
| 446 | 470 | 105219 | NGUYỄN PHAN TRỌNG | NGHĨA  | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                       |  |
| 447 | 471 | 105239 | NGÔ BẢO           | NGỌC   | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long |  |
| 448 | 472 | 105241 | NGUYỄN HỒNG MINH  | NGỌC   | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                |  |
| 449 | 473 | 105244 | NGUYỄN THANH      | NGỌC   | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long               |  |
| 450 | 474 | 105250 | PHẠM BẢO          | NGỌC   | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long               |  |
| 451 | 475 | 105261 | TRẦN THUY BẢO     | NGỌC   | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long         |  |
| 452 | 476 | 105263 | VŨ THỊ KHÁNH      | NGỌC   | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                |  |
| 453 | 477 | 105273 | NGUYỄN QUANG      | NGUYỄN | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                        |  |
| 454 | 478 | 105276 | PHẠM THẢO         | NGUYỄN | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long         |  |
| 455 | 479 | 105283 | HUỲNH TRỌNG       | NHÂN   | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 456 | 480 | 105284 | HUỲNH VIỆT        | NHÂN   | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                 |  |
| 457 | 481 | 105297 | ĐOÀN NGUYỄN MINH  | NHẬT   | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                |  |
| 458 | 482 | 105310 | LÊ THỰC           | NHI    | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long               |  |
| 459 | 483 | 105327 | NGUYỄN PHAN QUỲNH | NHU    | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                       |  |
| 460 | 484 | 105328 | LÂM HẠNH          | NHU    | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long               |  |
| 461 | 485 | 105349 | NGUYỄN TẤN        | PHÁT   | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                        |  |
| 462 | 486 | 105360 | BÙI TRƯƠNG VĨNH   | PHÚ    | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                       |  |
| 463 | 487 | 105376 | NGUYỄN ĐẶNG HOÀNG | PHÚC   | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ         |  |
| 464 | 488 | 105378 | NGUYỄN HOÀNG      | PHÚC   | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                |  |
| 465 | 489 | 105383 | PHAN THIÊN        | PHÚC   | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 466 | 490 | 105384 | THÁI LÊ BẢO       | PHÚC   | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                       |  |
| 467 | 491 | 105387 | TRẦN NY ĐAN       | PHÚC   | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 468 | 492 | 105398 | NGUYỄN HOÀNG NAM  | PHƯƠNG | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long |  |
| 469 | 493 | 105407 | NGUYỄN MINH       | PHƯƠNG | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ          |  |
| 470 | 494 | 105408 | NGUYỄN NAM        | PHƯƠNG | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long         |  |
| 471 | 495 | 105414 | TRẦN MAI          | PHƯƠNG | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                        |  |
| 472 | 496 | 105416 | VŨ BẢO            | PHƯƠNG | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                |  |
| 473 | 497 | 105421 | LÊ HOÀNG          | QUÂN   | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                 |  |

|     |     |        |                    |       |       |                                                                  |  |
|-----|-----|--------|--------------------|-------|-------|------------------------------------------------------------------|--|
| 474 | 498 | 105426 | NGUYỄN HOÀNG       | QUÂN  | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                               |  |
| 475 | 499 | 105430 | NGUYỄN VŨ MINH     | QUÂN  | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 476 | 500 | 105434 | PHẠM LÊ MINH       | QUÂN  | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 477 | 501 | 105436 | PHAN TRẦN MINH     | QUÂN  | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                       |  |
| 478 | 502 | 105445 | PHẠM CAO DUY       | QUANG | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 479 | 503 | 105447 | VĂN NGỌC           | QUANG | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 480 | 504 | 105461 | MAI LÊ KHÁNH       | QUỲNH | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 481 | 505 | 105471 | HUỲNH CAO          | SƠN   | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 482 | 506 | 105475 | TRẦN VINH          | SƠN   | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long               |  |
| 483 | 507 | 105478 | LÊ THÀNH           | TÀI   | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 484 | 508 | 105496 | NGUYỄN ANH QUỐC    | THÁI  | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long                |  |
| 485 | 509 | 105502 | PHÙNG CHÍ          | THẮNG | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 486 | 510 | 105503 | TRẦN CÔNG          | THẮNG | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                       |  |
| 487 | 511 | 105514 | NGUYỄN TRỊNH GIANG | THANH | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 488 | 512 | 105522 | NGUYỄN TÂM         | THÀNH | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 489 | 513 | 105523 | NGUYỄN TẤN         | THÀNH | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 490 | 514 | 105524 | PHAN NGUYỄN KIẾN   | THÀNH | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 491 | 515 | 105533 | NGUYỄN MINH        | THẢO  | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 492 | 516 | 105534 | NGUYỄN TRẦN XUÂN   | THẢO  | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                       |  |
| 493 | 517 | 105543 | TRẦN MINH          | THIỆN | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 494 | 518 | 105547 | LÊ HOÀNG           | THỊNH | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 495 | 519 | 105550 | MAI TRƯƠNG KHÁNH   | THỊNH | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long                 |  |
| 496 | 520 | 105558 | TRẦN TIẾN          | THỊNH | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 497 | 521 | 105562 | PHÓ NHƯỘC          | THƠ   | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                       |  |
| 498 | 522 | 105570 | HÀ ANH             | THƯ   | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                       |  |
| 499 | 523 | 105589 | TRẦN LÊ ANH        | THƯ   | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 500 | 524 | 105591 | TRẦN LONG THANH    | THƯ   | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                       |  |
| 501 | 525 | 105602 | ĐỖ MINH            | THUY  | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                       |  |
| 502 | 526 | 105604 | NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG | THUY  | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                       |  |
| 503 | 527 | 105608 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG   | THUY  | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 504 | 528 | 105620 | ĐẶNG NGUYỄN KHÁNH  | TIỀN  | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 505 | 529 | 105624 | NGUYỄN NGỌC CÁT    | TIỀN  | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 506 | 530 | 105629 | LŨ TRẦN MINH       | TIỀN  | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                               |  |
| 507 | 531 | 105631 | NGUYỄN LÊ NGỌC     | TIỀN  | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long                  |  |

|     |     |        |                    |       |       |                                                                  |  |
|-----|-----|--------|--------------------|-------|-------|------------------------------------------------------------------|--|
| 508 | 532 | 105633 | PHẠM QUANG         | TIỀN  | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                       |  |
| 509 | 533 | 105634 | TẠ ĐĂNG            | TIỀN  | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 510 | 534 | 105641 | NGUYỄN TRUNG       | TÍN   | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 511 | 535 | 105644 | LƯƠNG TRẦN         | TINA  | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 512 | 536 | 105653 | PHẠM NGỌC BẢO      | TRÂM  | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 513 | 537 | 105662 | LÊ NGỌC BẢO        | TRẦN  | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 514 | 538 | 105663 | LÊ QUÁCH BẢO       | TRẦN  | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ         |  |
| 515 | 539 | 105665 | NGUYỄN ĐỨC BẢO     | TRẦN  | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ                 |  |
| 516 | 540 | 105672 | PHAN THUY BẢO      | TRẦN  | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 517 | 541 | 105677 | NGUYỄN QUỲNH       | TRANG | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 518 | 542 | 105678 | TÀNG TRẦN BẢO      | TRANG | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                       |  |
| 519 | 543 | 105680 | HUỲNH BẢO          | TRÍ   | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                        |  |
| 520 | 544 | 105681 | KIM MINH           | TRÍ   | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ                |  |
| 521 | 545 | 105683 | LÊ NGUYỄN ĐỨC      | TRÍ   | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 522 | 546 | 105694 | NGUYỄN MINH        | TRIẾT | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 523 | 547 | 105695 | NGUYỄN MINH        | TRIẾT | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                       |  |
| 524 | 548 | 105700 | ĐỖ HOÀNG NGỌC      | TRINH | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                       |  |
| 525 | 549 | 105705 | ĐỖ CHIÊM           | TRỌNG | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 526 | 550 | 105708 | HOÀNG THANH        | TRÚC  | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 527 | 551 | 105709 | LÊ TRẦN MỸ         | TRÚC  | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 528 | 552 | 105712 | NGUYỄN NGỌC THANH  | TRÚC  | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long                  |  |
| 529 | 553 | 105717 | LÊ THÀNH           | TRUNG | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 530 | 554 | 105723 | HUỲNH MINH         | TÚ    | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long                 |  |
| 531 | 555 | 105730 | NGUYỄN LÊ ANH      | TUẤN  | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 532 | 556 | 105734 | NGUYỄN THIÊN       | TUỆ   | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 533 | 557 | 105744 | BÙI NGỌC PHƯƠNG    | UYÊN  | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long                |  |
| 534 | 558 | 105746 | DIỆP NGỌC PHƯƠNG   | UYÊN  | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 535 | 560 | 105755 | TRẦN NGỒ THẢO      | UYÊN  | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
|     |     |        |                    |       |       |                                                                  |  |
| 536 | 561 | 105758 | TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG | UYÊN  | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long                |  |
| 537 | 562 | 105763 | NGUYỄN PHÚC VY     | VÂN   | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                               |  |
| 538 | 563 | 105765 | TRẦN HỒ KHÁNH      | VÂN   | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long                |  |
| 539 | 564 | 105768 | NGUYỄN THẢO        | VI    | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                        |  |
| 540 | 565 | 105783 | TRẦN HỮU           | VINH  | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 541 | 566 | 105785 | TRẦN QUÝ           | VINH  | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |

|     |     |        |                    |       |       |                                                                  |  |
|-----|-----|--------|--------------------|-------|-------|------------------------------------------------------------------|--|
| 542 | 567 | 105787 | PHAN ANH           | VŨ    | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                        |  |
| 543 | 568 | 105788 | TỪ THIÊN           | VƯƠNG | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 544 | 569 | 105801 | LÊ THANH THÚY      | VY    | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 545 | 570 | 105806 | NGUYỄN ĐẶNG NHẬT   | VY    | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 546 | 571 | 105812 | NGUYỄN NGỌC TUỖNG  | VY    | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                       |  |
| 547 | 572 | 105816 | NGUYỄN THANH       | VY    | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 548 | 573 | 105819 | NGUYỄN THỤY        | VY    | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 549 | 574 | 105823 | PHẠM LÊ TUỖNG      | VY    | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ                 |  |
| 550 | 575 | 105826 | PHẠM TRÚC          | VY    | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long                  |  |
| 551 | 576 | 105827 | PHAN HOÀNG         | VY    | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long               |  |
| 552 | 577 | 105833 | TRẦN NGUYỄN THANH  | VY    | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
|     |     |        |                    |       |       |                                                                  |  |
| 553 | 578 | 105835 | VÕ PHẠM NGỌC KHÁNH | VY    | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                               |  |
| 554 | 579 | 105836 | VŨ KIỀU LAN        | VY    | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 555 | 580 | 105839 | HUỖNH THANH        | XUÂN  | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 556 | 581 | 105847 | TRẦN HOÀNG NHƯ     | Ý     | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 557 | 582 | 105849 | ĐOÀN NGỌC THANH    | YÊN   | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long                |  |
| 558 | 583 | 105850 | HUỖNH NGÔ PHƯƠNG   | YÊN   | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                        |  |
| 559 | 584 | 105851 | ĐỖ THỊ HẢI         | YÊN   | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                       |  |
| 560 | 585 | 105870 | ĐOÀN MINH          | HUY   | 10N   | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Bóng rổ - Ngoại ngữ 1 ( Nhật) |  |
| 561 | 587 | 105878 | NGUYỄN HOÀNG       | QUÂN  | 10N   | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Bóng rổ - Ngoại ngữ 1 ( Nhật) |  |
| 562 | 588 | 105937 | ĐOÀN NHƯ THIÊN     | ÁI    | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long               |  |
| 563 | 589 | 105938 | NGUYỄN LƯƠNG THỰC  | ÁI    | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 564 | 590 | 105943 | DOÃN NHƯ           | AN    | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                        |  |
| 565 | 591 | 105948 | LÊ NHẬT            | AN    | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 566 | 592 | 105950 | NGUYỄN ĐỨC         | AN    | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 567 | 594 | 105966 | NGÔ HOÀNG          | ÂN    | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 568 | 595 | 105974 | NGUYỄN PHÚC        | ÂN    | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 569 | 596 | 105976 | TRẦN NGỌC HOÀNG    | ÂN    | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 570 | 597 | 105984 | ĐÌNH THẾ           | ANH   | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 571 | 598 | 105986 | ĐỖ MINH            | ANH   | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 572 | 599 | 105989 | HOÀNG HỒNG         | ANH   | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 573 | 600 | 105996 | LÊ MINH            | ANH   | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long                |  |
| 574 | 601 | 105997 | LÊ NGỌC PHƯƠNG     | ANH   | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |

|     |     |        |                      |       |       |                                                                  |  |
|-----|-----|--------|----------------------|-------|-------|------------------------------------------------------------------|--|
| 575 | 602 | 105999 | LÊ NGUYỄN PHẠM QUỲNH | ANH   | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 576 | 603 | 106009 | MỸ TUẤN              | ANH   | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 577 | 604 | 106017 | NGUYỄN HOÀNG TRÂM    | ANH   | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 578 | 605 | 106021 | NGUYỄN NGỌC THẢO     | ANH   | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 579 | 606 | 106024 | NGUYỄN QUỲNH         | ANH   | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long               |  |
| 580 | 607 | 106030 | PHẠM                 | ANH   | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ         |  |
| 581 | 608 | 106032 | PHẠM QUỐC            | ANH   | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                       |  |
| 582 | 609 | 106038 | PHẠM TRANG           | ANH   | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                        |  |
| 583 | 610 | 106070 | ĐÌNH GIA             | BẢO   | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 584 | 611 | 106072 | DƯƠNG GIA            | BẢO   | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                        |  |
| 585 | 612 | 106077 | LÊ HOÀNG GIA         | BẢO   | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 586 | 613 | 106081 | NGUYỄN GIA           | BẢO   | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                               |  |
| 587 | 614 | 106091 | NGUYỄN NAM           | BÌNH  | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long                 |  |
| 588 | 615 | 106114 | NGUYỄN MẠNH          | CƯỜNG | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 589 | 616 | 106125 | TRẦN KHÁNH           | ĐĂNG  | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ                |  |
| 590 | 617 | 106126 | HÀ THANH             | DANH  | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                        |  |
| 591 | 618 | 106130 | NGUYỄN TUẤN          | ĐẠT   | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 592 | 619 | 106134 | LÊ QUỐC              | ĐẠT   | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                               |  |
| 593 | 620 | 106138 | NGUYỄN TIẾN          | ĐẠT   | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                       |  |
| 594 | 621 | 106146 | LÊ NAM               | ĐỖ    | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long                 |  |
| 595 | 622 | 106158 | HỒ TRUNG             | DŨNG  | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long                  |  |
| 596 | 623 | 106162 | NGUYỄN TRÍ           | DŨNG  | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                        |  |
| 597 | 624 | 106163 | PHẠM CHÍ             | DŨNG  | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                               |  |
| 598 | 625 | 106164 | TRẦN TRỌNG           | DŨNG  | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 599 | 626 | 106166 | THÁI ĐÔNG            | DƯƠNG | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 600 | 627 | 106182 | TRẦN HOÀNG           | DUY   | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 601 | 628 | 106185 | YU I                 | FENG  | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 602 | 629 | 106190 | THÁI KIÊN            | GIANG | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 603 | 630 | 106209 | LA GIA               | HÂN   | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 604 | 631 | 106215 | NGUYỄN BẢO           | HÂN   | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 605 | 632 | 106224 | NGUYỄN THỊ MAI       | HÂN   | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 606 | 633 | 106240 | VÕ HỒNG              | HẢO   | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long                 |  |
| 607 | 634 | 106257 | LÂM ĐỨC              | HÓA   | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 608 | 635 | 106263 | LÊ XUÂN              | HOÀNG | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                               |  |

|     |     |        |                    |       |       |                                                           |  |
|-----|-----|--------|--------------------|-------|-------|-----------------------------------------------------------|--|
| 609 | 636 | 106270 | TRẦN SĨ            | HOÀNG | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                 |  |
| 610 | 637 | 106274 | HÀ NGUYỄN          | HÔNG  | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                       |  |
| 611 | 638 | 106285 | LÊ QUỐC            | HUNG  | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                        |  |
| 612 | 640 | 106306 | LÊ TRẦN GIA        | HUY   | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                |  |
| 613 | 641 | 106309 | NGÔ NHẬT           | HUY   | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                  |  |
| 614 | 642 | 106311 | NGUYỄN ĐỨC         | HUY   | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 615 | 643 | 106318 | NGUYỄN MINH        | HUY   | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long          |  |
| 616 | 644 | 106330 | TRẦN ANH           | HUY   | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                       |  |
| 617 | 645 | 106341 | VÕ HOÀNG GIA       | HY    | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                  |  |
| 618 | 646 | 106351 | HUỲNH PHÚC         | KHANG | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                    |  |
| 619 | 647 | 106357 | LÊ NGUYỄN          | KHANG | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                        |  |
| 620 | 648 | 106361 | NGUYỄN HỮU GIA     | KHANG | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                       |  |
| 621 | 649 | 106372 | PHẠM VINH          | KHANG | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                        |  |
| 622 | 650 | 106378 | TRẦN VŨ DUY        | KHANG | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                    |  |
| 623 | 651 | 106389 | NGUYỄN NHƯ         | KHANH | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                       |  |
| 624 | 652 | 106393 | TRẦN HỒNG          | KHANH | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                |  |
| 625 | 653 | 106404 | TRƯƠNG BÁ          | KHIÊM | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                 |  |
| 626 | 654 | 106407 | CAO PHẠM MINH      | KHOA  | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                    |  |
| 627 | 655 | 106411 | HUỲNH NGUYỄN ĐĂNG  | KHOA  | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                 |  |
| 628 | 656 | 106426 | BÙI XUÂN           | KHÔI  | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                  |  |
| 629 | 657 | 106445 | NGUYỄN PHƯƠNG MINH | KHÔI  | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                    |  |
| 630 | 658 | 106448 | PHẠM MINH          | KHÔI  | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long |  |
| 631 | 659 | 106450 | TRẦN ĐĂNG          | KHÔI  | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ         |  |
| 632 | 660 | 106451 | TRẦN VĂN ĐĂNG      | KHÔI  | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                |  |
| 633 | 661 | 106455 | TRẦN THANH BẢO     | KHUÊ  | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                  |  |
| 634 | 662 | 106461 | LÊ CAO TUẤN        | KIỆT  | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ          |  |
| 635 | 663 | 106463 | TÔ VÕ ANH          | KIỆT  | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                  |  |
| 636 | 664 | 106464 | TRẦN TUẤN          | KIỆT  | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                       |  |
| 637 | 665 | 106504 | NGUYỄN TRÚC        | LINH  | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long         |  |
| 638 | 666 | 106508 | TRẦN BẢO           | LINH  | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long         |  |
| 639 | 667 | 106522 | VÕ TIẾN            | LỘC   | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                       |  |
| 640 | 668 | 106525 | ĐOÀN MINH          | LONG  | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                    |  |
| 641 | 669 | 106529 | LÊ HOÀNG           | LONG  | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 642 | 670 | 106539 | PHẠM ĐÌNH          | LUÂN  | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long |  |

|     |     |        |                      |        |       |                                                           |  |
|-----|-----|--------|----------------------|--------|-------|-----------------------------------------------------------|--|
| 643 | 671 | 106542 | NGÔ THANH            | LUẬN   | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ          |  |
| 644 | 672 | 106554 | CAO TÔ LÂM NHẬT      | MINH   | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ  |  |
| 645 | 673 | 106559 | HOÀNG NGUYỄN NHẬT    | MINH   | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 646 | 674 | 106564 | LÊ VÕ THIÊN          | MINH   | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                       |  |
| 647 | 675 | 106566 | MAI TRIỆU            | MINH   | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long |  |
| 648 | 676 | 106567 | NGUYỄN CHIẾN ANH     | MINH   | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                       |  |
| 649 | 677 | 106573 | NGUYỄN PHAN BÌNH     | MINH   | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long               |  |
| 650 | 678 | 106580 | TRẦN                 | MINH   | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                  |  |
| 651 | 679 | 106582 | TRẦN NGUYỄN TIẾN     | MINH   | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                |  |
| 652 | 680 | 106583 | TRẦN NHẬT            | MINH   | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long         |  |
| 653 | 681 | 106584 | TRẦN TÂN             | MINH   | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                       |  |
| 654 | 682 | 106586 | TRƯƠNG ĐỨC           | MINH   | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                  |  |
| 655 | 683 | 106590 | NGUYỄN TRÀ           | MY     | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long               |  |
| 656 | 684 | 106600 | TRƯƠNG CÔNG HẢI      | NAM    | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                       |  |
| 657 | 685 | 106604 | BÊ VĂN THANH         | NGÂN   | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                 |  |
| 658 | 686 | 106613 | LÊ THU               | NGÂN   | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                       |  |
| 659 | 687 | 106614 | LÝ QUỲNH             | NGÂN   | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                       |  |
| 660 | 688 | 106618 | NGUYỄN KIM           | NGÂN   | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long               |  |
| 661 | 689 | 106627 | HỒ DIỄM              | NGHI   | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long        |  |
| 662 | 690 | 106629 | LÝ GIA               | NGHI   | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                       |  |
| 663 | 691 | 106634 | NGUYỄN NGUYỄN PHƯƠNG | NGHI   | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                        |  |
| 664 | 692 | 106635 | NGUYỄN PHAN BẢO      | NGHI   | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long |  |
| 665 | 693 | 106657 | NGUYỄN LÊ ANH        | NGỌC   | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 666 | 695 | 106662 | TRẦN CAO NHƯ         | NGỌC   | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                       |  |
| 667 | 696 | 106664 | TRẦN MINH            | NGỌC   | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                       |  |
| 668 | 697 | 106666 | TRẦN THUY NHƯ        | NGỌC   | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                 |  |
| 669 | 698 | 106672 | ĐỖ HỮU ANH           | NGUYỄN | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                    |  |
| 670 | 699 | 106674 | HỒ AN                | NGUYỄN | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long               |  |
| 671 | 700 | 106675 | HUỶNH THANH PHÚC     | NGUYỄN | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                  |  |
| 672 | 701 | 106677 | NGÔ NGUYỄN NGUYỆT    | NGUYỄN | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long |  |
| 673 | 702 | 106680 | NGUYỄN ĐÌNH          | NGUYỄN | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                    |  |
| 674 | 703 | 106685 | NGUYỄN HOÀNG         | NGUYỄN | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                  |  |
| 675 | 704 | 106709 | HỒ NGUYỄN THIÊN      | NHÂN   | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                 |  |
| 676 | 705 | 106711 | LÝ MẠCH PHÚ          | NHÂN   | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |

|     |     |        |                    |        |       |                                                                  |  |
|-----|-----|--------|--------------------|--------|-------|------------------------------------------------------------------|--|
| 677 | 706 | 106713 | NGUYỄN HOÀNG       | NHÂN   | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 678 | 707 | 106719 | LÊ NHƯ QUANG       | NHẬT   | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long                 |  |
| 679 | 708 | 106731 | LÊ HOÀNG TỊNH      | NHI    | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                       |  |
| 680 | 709 | 106732 | LÊ HOÀNG YẾN       | NHI    | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long                |  |
| 681 | 710 | 106733 | NGÔ UYÊN           | NHI    | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 682 | 711 | 106744 | NGUYỄN PHƯƠNG      | NHI    | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 683 | 712 | 106746 | NGUYỄN THẢO        | NHI    | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 684 | 713 | 106748 | PHẠM TRẦN TUYẾT    | NHI    | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                           |  |
| 685 | 714 | 106771 | PHAN QUỲNH         | NHU    | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 686 | 715 | 106773 | PHÙNG HẰNG TÂM     | NHU    | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 687 | 717 | 106777 | TRẦN THỊ NGỌC      | NHU    | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long                |  |
| 688 | 718 | 106779 | VŨ NGUYỄN QUỲNH    | NHU    | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                       |  |
| 689 | 719 | 106783 | NGUYỄN KIM NGỌC    | NỮ     | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 690 | 720 | 106791 | LÊ MINH            | PHÁT   | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 691 | 721 | 106797 | TRẦN TÂN           | PHÁT   | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                               |  |
| 692 | 722 | 106805 | VŨ THANH           | PHONG  | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                               |  |
| 693 | 723 | 106812 | NGUYỄN THIÊN       | PHÚ    | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 694 | 724 | 106817 | ĐỖ NGUYỄN THIÊN    | PHÚC   | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                        |  |
| 695 | 725 | 106820 | HOÀNG              | PHÚC   | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long                 |  |
| 696 | 726 | 106825 | LÊ NGỌC HOÀNG      | PHÚC   | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                           |  |
| 697 | 727 | 106826 | LÊ VY AN           | PHÚC   | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long               |  |
| 698 | 728 | 106829 | NGÔ HOÀNG          | PHÚC   | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long                 |  |
| 699 | 729 | 106831 | NGUYỄN GIA         | PHÚC   | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 700 | 730 | 106835 | NGUYỄN NAM HỒNG    | PHÚC   | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                           |  |
| 701 | 731 | 106836 | NGUYỄN NGỌC HỒNG   | PHÚC   | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ                 |  |
| 702 | 732 | 106839 | PHẠM DƯƠNG HOÀNG   | PHÚC   | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 703 | 733 | 106840 | TRẦN NGỌC          | PHÚC   | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 704 | 734 | 106863 | TRƯƠNG NGUYỄN MINH | PHƯƠNG | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 705 | 736 | 106880 | VŨ NAM             | QUÂN   | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long                  |  |
| 706 | 737 | 106892 | LÊ BẢO             | QUYÊN  | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 707 | 738 | 106896 | TRẦN THỊ ĐỖ        | QUYÊN  | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 708 | 739 | 106908 | PHẠM NGỌC          | QUỲNH  | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ                |  |
| 709 | 740 | 106924 | PHẠM QUỐC THIÊN    | SƠN    | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 710 | 741 | 106927 | ĐỖ VĂN ANH         | TÀI    | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |

|     |     |        |                   |        |       |                                                           |  |
|-----|-----|--------|-------------------|--------|-------|-----------------------------------------------------------|--|
| 711 | 742 | 106934 | HOÀNG NGỌC MỸ     | TÂM    | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long |  |
| 712 | 743 | 106938 | LUU THỊ MINH      | TÂM    | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ  |  |
| 713 | 744 | 106948 | DOÃN PHAN DUY     | TÂN    | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                       |  |
| 714 | 745 | 106954 | NGUYỄN HỮU        | THẮNG  | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                |  |
| 715 | 746 | 106956 | ĐOÀN BẢO NGỌC     | THANH  | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long               |  |
| 716 | 747 | 106960 | LÝ NGỌC           | THANH  | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long        |  |
| 717 | 748 | 106962 | NGUYỄN NGỌC VÂN   | THANH  | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long |  |
| 718 | 749 | 106968 | ĐỒNG NGUYỄN VIỆT  | THÀNH  | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 719 | 750 | 106970 | NGUYỄN ĐẶNG BÁ    | THÀNH  | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                 |  |
| 720 | 751 | 106989 | LÊ QUYÊN BẢO      | THI    | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                 |  |
| 721 | 752 | 106990 | NGÔ NGUYỄN NGỌC   | THI    | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                    |  |
| 722 | 753 | 106992 | TRƯƠNG KHÁNH      | THI    | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long |  |
| 723 | 754 | 106995 | PHẠM NGUYỄN HẢI   | THIỆN  | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                |  |
| 724 | 755 | 106999 | CHUNG ANH         | THIỆN  | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                |  |
| 725 | 756 | 107003 | NGUYỄN LÊ QUỐC    | THIỆN  | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                       |  |
| 726 | 757 | 107010 | NGUYỄN TRƯỜNG     | THỊNH  | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                       |  |
| 727 | 758 | 107014 | LÊ VŨ MINH        | THÔNG  | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long           |  |
| 728 | 759 | 107016 | LÊ HUỲNH MINH     | THƯ    | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                 |  |
| 729 | 760 | 107019 | AN NGUYỄN ANH     | THƯ    | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ  |  |
| 730 | 761 | 107039 | NGUYỄN THANH      | THƯ    | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                       |  |
| 731 | 762 | 107051 | TRẦN BUI HOÀI     | THƯƠNG | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ          |  |
| 732 | 763 | 107054 | NGUYỄN PHAN THANH | THÚY   | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                        |  |
| 733 | 764 | 107059 | THÁI NGỌC GIA     | THỤY   | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                  |  |
| 734 | 765 | 107079 | HUỲNH NGỌC THỦY   | TIỀN   | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long |  |
| 735 | 766 | 107116 | ĐỖ HOÀNG KIM      | TRANG  | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ         |  |
| 736 | 767 | 107117 | HOÀNG THÙY        | TRANG  | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long               |  |
| 737 | 768 | 107118 | MẬU THỊ THU       | TRANG  | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 738 | 769 | 107135 | NGUYỄN HỮU        | TRÍ    | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long               |  |
| 739 | 770 | 107147 | DƯƠNG QUỐC        | TRIỆU  | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long               |  |
| 740 | 771 | 107156 | HOÀNG ĐÌNH        | TRỌNG  | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long |  |
| 741 | 772 | 107162 | TRẦN ĐẶNG THÀNH   | TRUNG  | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                 |  |
| 742 | 773 | 107172 | NGUYỄN            | TÚ     | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                       |  |
| 743 | 774 | 107174 | NGUYỄN NGỌC CẨM   | TÚ     | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                |  |
| 744 | 775 | 107177 | TRẦN TOÀN TUẤN    | TÚ     | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                    |  |
| 745 | 776 | 107182 | LƯƠNG QUỐC        | TUẤN   | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long               |  |

|     |     |        |                     |       |       |                                                                  |  |
|-----|-----|--------|---------------------|-------|-------|------------------------------------------------------------------|--|
| 746 | 777 | 107202 | HUỖNH THUY TÚ       | UYÊN  | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 747 | 778 | 107210 | NGUYỄN THỊ THANH    | UYÊN  | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long                |  |
| 748 | 779 | 107211 | NGUYỄN TRẦN MỸ      | UYÊN  | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 749 | 780 | 107217 | NGÔ BẢO             | VĂN   | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 750 | 781 | 107221 | NGUYỄN LÂM TÚ       | VĂN   | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long               |  |
| 751 | 782 | 107227 | VÔ HOÀNG            | VIỆT  | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long                |  |
| 752 | 783 | 107228 | CHÂU PHƯỚC          | VINH  | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 753 | 784 | 107231 | LÊ HOÀNG            | VINH  | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 754 | 785 | 107234 | NGUYỄN CÔNG         | VINH  | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 755 | 786 | 107255 | DƯƠNG TRIỆU         | VY    | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 756 | 787 | 107262 | NGÔ PHI HOÀNG KHÁNH | VY    | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ                |  |
| 757 | 788 | 107287 | LÊ NGỌC NHƯ         | Ý     | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 758 | 789 | 107288 | LÊ NGỌC NHƯ         | Ý     | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 759 | 790 | 107293 | NGUYỄN THỊ NHƯ      | Ý     | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ                |  |
| 760 | 791 | 107296 | TRỊNH NHƯ           | Ý     | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                       |  |
| 761 | 792 | 107303 | NGUYỄN THỊ HOÀNG    | YẾN   | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ         |  |
| 762 | 793 | 107331 | NGUYỄN THỊ VÂN      | ANH   | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 763 | 794 | 107502 | NGUYỄN HOÀNG        | KIM   | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 764 | 795 | 107512 | BÙI TUYẾT           | LINH  | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 765 | 796 | 107567 | NGUYỄN LÂM DIỆU     | NGÂN  | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                       |  |
| 766 | 797 | 107626 | LÊ TRƯỞNG BẢO       | NHI   | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 767 | 798 | 107658 | HÀ THANH            | PHONG | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 768 | 799 | 107764 | NGÔ THÙY ANH        | THÚ   | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                       |  |
| 769 | 800 | 107778 | NGUYỄN NGỌC         | THÚY  | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                       |  |
| 770 | 801 | 107801 | ĐÀM DIỄM NHÃ        | TRẦN  | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 771 | 802 | 107811 | NGUYỄN NGỌC THÙY    | TRANG | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long                 |  |
| 772 | 803 | 107815 | NGUYỄN ĐỨC          | TRÍ   | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 773 | 804 | 107837 | PHÍ MINH            | TUẦN  | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 774 | 805 | 107874 | LIÊU MỸ             | VY    | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 775 | 806 | 107885 | TRẦN KIỀU           | VY    | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 776 | 807 | 108084 | NGUYỄN ĐÌNH MINH    | HIẾU  | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 777 | 808 | 108104 | LÂM GIA             | HÙNG  | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 778 | 809 | 108141 | HỒNG MAI GIA        | KHANG | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ         |  |
| 779 | 810 | 108190 | NGUYỄN ĐĂNG         | KHÔI  | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |

|     |     |        |                        |        |       |                                                                  |  |
|-----|-----|--------|------------------------|--------|-------|------------------------------------------------------------------|--|
| 780 | 811 | 108194 | PHẠM ANH               | KHÔI   | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long                 |  |
| 781 | 812 | 108206 | TRẦN NGUYỄN THIÊN      | KIM    | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                           |  |
| 782 | 813 | 108250 | NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC        | MẠNH   | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 783 | 814 | 108267 | PHAN THANH NGỌC        | MỸ     | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 784 | 815 | 108343 | HOÀNG LÊ MINH          | NHU    | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 785 | 816 | 108550 | NGUYỄN BẢO             | THY    | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 786 | 817 | 108587 | TRẦN BẢO               | TRÂN   | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                       |  |
| 787 | 818 | 108726 | NGÔ GIA                | AN     | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 788 | 819 | 108742 | HỨA HỒNG               | ÂN     | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                           |  |
| 789 | 820 | 108756 | ĐỖ NGỌC KIM            | ANH    | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                        |  |
| 790 | 821 | 108788 | NGUYỄN PHẠM MAI        | ANH    | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                       |  |
| 791 | 822 | 108808 | VÕ NGỌC MỸ             | ANH    | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 792 | 823 | 108854 | TRẦN NGUYỄN HỒNG       | CHÂU   | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 793 | 824 | 108920 | LÊ NGUYỄN THUY         | DUNG   | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 794 | 825 | 108940 | NGUYỄN LƯƠNG KỲ        | DUYÊN  | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 795 | 826 | 109025 | PHẠM NHẬT              | HOÀNG  | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 796 | 827 | 109131 | THÁI THU               | KHANH  | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long                  |  |
| 797 | 828 | 109139 | NGUYỄN                 | KHÁNH  | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 798 | 829 | 109174 | NGUYỄN QUỐC            | KHÔI   | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ                |  |
| 799 | 830 | 109254 | NGUYỄN TRANG           | LINH   | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long                  |  |
| 800 | 831 | 109273 | NGUYỄN THIÊN           | LỘC    | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 801 | 832 | 109320 | NGUYỄN HOÀNG NHẬT      | MINH   | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 802 | 833 | 109366 | LÂM THANH              | NGÂN   | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 803 | 834 | 109392 | NGUYỄN HUỖNH<br>PHƯƠNG | NGHI   | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long               |  |
| 804 | 835 | 109441 | NGUYỄN THÀNH           | NGUYỄN | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ                 |  |
| 805 | 836 | 109451 | LÂM Ỡ                  | NHÀN   | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                       |  |
| 806 | 837 | 109563 | LÊ HOÀNG               | PHÚC   | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 807 | 838 | 109574 | PHAN TRẦN HỒNG         | PHÚC   | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                       |  |
| 808 | 839 | 109626 | TRẦN LÊ DIỄM           | QUYÊN  | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 809 | 840 | 109801 | LÊ NGUYỄN MINH         | THY    | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 810 | 841 | 109815 | VŨ THỊ NGỌC            | TIỀN   | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                       |  |
| 811 | 842 | 109824 | TRƯƠNG NGUYỄN PHÁT     | TIỀN   | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long               |  |
| 812 | 843 | 109852 | TÔ BẢO                 | TRÂN   | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |

|     |     |        |                    |        |       |                                                                  |  |
|-----|-----|--------|--------------------|--------|-------|------------------------------------------------------------------|--|
| 813 | 844 | 109892 | HUỖNH THANH        | TRÚC   | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long               |  |
| 814 | 845 | 109978 | KIỀU MINH          | VŨ     | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 815 | 846 | 109994 | LÊ KHÁNH           | VY     | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                               |  |
| 816 | 847 | 110264 | HUỖNH BỬU          | DUY    | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 817 | 848 | 110394 | NGUYỄN BÁC         | HỌC    | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 818 | 849 | 110767 | NGUYỄN TRẦN BẢO    | NGHI   | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 819 | 850 | 110994 | MẠCH KHẢ           | QUÂN   | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                       |  |
| 820 | 851 | 111272 | NGUYỄN NGỌC KIM    | TRANG  | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                           |  |
| 821 | 852 | 111400 | LÊ NGUYỄN THÚY     | VY     | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 822 | 853 | 111950 | TRẦN NGUYỄN BẢO    | LONG   | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ                 |  |
| 823 | 854 | 111988 | TRẦN HẢI           | MY     | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long                 |  |
| 824 | 855 | 112009 | VĂN THỊ NGỌC       | NGÂN   | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 825 | 856 | 112085 | LÊ TRẦN GIA        | NHI    | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 826 | 857 | 113028 | TRẦN HUỖNH NHỰT    | HUY    | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long                  |  |
| 827 | 858 | 113194 | DƯƠNG PHÚ          | LÂM    | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 828 | 859 | 114327 | NGUYỄN PHẠM HOÀI   | AN     | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ         |  |
| 829 | 860 | 114335 | VÕ NGỌC VÂN        | AN     | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 830 | 861 | 114361 | NGUYỄN DƯƠNG QUỲNH | ANH    | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 831 | 862 | 114422 | NGUYỄN ĐỨC         | CHƯƠNG | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 832 | 863 | 114507 | HỒ PHÚ             | HÀO    | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 833 | 864 | 114542 | LÊ XUÂN            | HUY    | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                       |  |
| 834 | 865 | 114595 | NGUYỄN DANH        | KHÔI   | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ                |  |
| 835 | 866 | 114602 | TRƯƠNG VŨ ĐĂNG     | KHÔI   | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                       |  |
| 836 | 867 | 114606 | NGUYỄN ĐỖ GIA      | KIỆT   | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 837 | 868 | 114609 | VŨ NGỌC THIÊN      | KIM    | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                       |  |
| 838 | 869 | 114626 | LÊ PHẠM THUY       | LINH   | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long               |  |
| 839 | 870 | 114705 | NGUYỄN NGỌC KIM    | NGÂN   | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                           |  |
| 840 | 871 | 114717 | NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG | NGHI   | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long               |  |
| 841 | 872 | 114734 | NGUYỄN THỊ MINH    | NGỌC   | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 842 | 873 | 114785 | PHẠM BÙI HẠO       | NHIÊN  | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 843 | 874 | 114807 | NGUYỄN DƯƠNG NHẬT  | PHI    | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                               |  |
| 844 | 875 | 114898 | NGUYỄN NHẬT        | THANH  | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 845 | 876 | 115064 | NGUYỄN MINH        | VÂN    | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ         |  |

|     |     |        |                    |        |       |                                                                  |  |
|-----|-----|--------|--------------------|--------|-------|------------------------------------------------------------------|--|
| 846 | 877 | 115077 | ĐÀO THANH          | VŨ     | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ         |  |
| 847 | 878 | 115154 | NGUYỄN THỰC        | ANH    | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                       |  |
| 848 | 879 | 115173 | NGUYỄN GIA         | BẢO    | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ                 |  |
| 849 | 880 | 115181 | THÁI GIA           | BẢO    | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ                 |  |
| 850 | 881 | 115186 | VÕ QUỐC            | BẢO    | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                       |  |
| 851 | 882 | 115197 | NGUYỄN PHẠM BẢO    | CHÂU   | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long                |  |
| 852 | 883 | 115242 | ĐỖ ANH             | DƯƠNG  | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 853 | 884 | 115284 | ĐẶNG KIẾN          | HÀO    | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 854 | 885 | 115370 | NGUYỄN TRƯỞNG ĐĂNG | KHOA   | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 855 | 886 | 115433 | NGUYỄN HOÀNG       | LONG   | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 856 | 887 | 115477 | NGUYỄN THỊ BẢO     | NGÂN   | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                       |  |
| 857 | 888 | 115545 | TRẦN KIỆU          | NHƯ    | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ                 |  |
| 858 | 889 | 115552 | PHAN NGUYỄN HOÀNG  | PHÁT   | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long                 |  |
| 859 | 890 | 115645 | NGUYỄN NGỌC QUỲNH  | THI    | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long               |  |
| 860 | 891 | 115849 | BÙI THANH          | BÌNH   | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 861 | 892 | 116146 | LÊ THANH BÍCH      | NGỌC   | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 862 | 893 | 116150 | LÝ NHƯ             | NGỌC   | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                       |  |
| 863 | 894 | 116206 | VƯƠNG HOÀNG YẾN    | NHƯ    | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long                  |  |
| 864 | 895 | 116287 | TRƯƠNG NGỌC NHƯ    | QUỲNH  | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 865 | 896 | 116448 | HUỲNH NGỌC PHƯƠNG  | UYÊN   | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                       |  |
| 866 | 897 | 116484 | NGUYỄN HÀ          | VY     | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 867 | 898 | 116545 | NGUYỄN NGÔ NGỌC    | ANH    | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                           |  |
| 868 | 899 | 116559 | PHẠM TRẦN QUỲNH    | ANH    | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 869 | 900 | 116590 | CÁN NGUYỄN THANH   | BÌNH   | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 870 | 902 | 116792 | VÕ HUỲNH ĐĂNG      | KHÔI   | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 871 | 903 | 116803 | NGUYỄN THIÊN       | KIM    | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                        |  |
| 872 | 904 | 116856 | NGUYỄN MINH        | LONG   | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ         |  |
| 873 | 905 | 116871 | HOÀNG NHẬT         | MINH   | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long                |  |
| 874 | 906 | 116904 | NGUYỄN TRƯỞNG LINH | NGÂN   | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 875 | 907 | 116942 | LÂM NGUYỄN VŨ      | NGUYỄN | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                        |  |
| 876 | 908 | 118616 | NGUYỄN HUỲNH THANH | ANH    | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 877 | 909 | 118631 | TẠ PHẠM VĂN        | ANH    | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                       |  |
| 878 | 910 | 118683 | HUỲNH NGỌC BỬU     | CHÂU   | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |

|     |     |        |                   |        |       |                                                                  |  |
|-----|-----|--------|-------------------|--------|-------|------------------------------------------------------------------|--|
| 879 | 911 | 118906 | TRANG SĨ          | KHÔI   | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                           |  |
| 880 | 912 | 118963 | NGUYỄN XUÂN       | MAI    | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                           |  |
| 881 | 913 | 119125 | TRƯƠNG VĨNH       | PHÁT   | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long                  |  |
| 882 | 914 | 119345 | VĂN PHÚC          | TRỌNG  | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                       |  |
| 883 | 915 | 119504 | VÕ NGỌC MINH      | ANH    | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long                  |  |
| 884 | 916 | 119561 | TRẦN NGỌC         | HÀ     | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                       |  |
| 885 | 917 | 119677 | HUỲNH NGUYỄN THẢO | LY     | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 886 | 918 | 119880 | NGUYỄN PHƯỚC      | TỎA    | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                       |  |
| 887 | 919 | 119888 | NGUYỄN NGỌC BẢO   | TRÂM   | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 888 | 921 | 121922 | PHAN HOÀNG        | PHÚC   | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 889 | 922 | 122128 | NGUYỄN ANH        | TÚ     | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                       |  |
| 890 | 923 | 123599 | CHUNG MINH        | TRIẾT  | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ         |  |
| 891 | 924 | 124335 | NGUYỄN TẮT        | ANH    | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                       |  |
| 892 | 925 | 124401 | NGUYỄN            | CINDY  | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 893 | 926 | 124557 | LÊ VĂN DƯƠNG      | HUY    | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 894 | 927 | 124572 | NGUYỄN TRẦN BẢO   | KHA    | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ                 |  |
| 895 | 928 | 124592 | NGUYỄN HỮU NGUYỄN | KHANG  | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long                 |  |
| 896 | 929 | 124616 | TƯỜNG PHAN LÊ     | KHIÊM  | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 897 | 930 | 124623 | NGUYỄN MINH       | KHOA   | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                       |  |
| 898 | 931 | 124632 | BÙI XUÂN ĐĂNG     | KHÔI   | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                        |  |
| 899 | 932 | 124647 | VŨ ĐỨC            | KHUÊ   | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 900 | 933 | 124728 | HUỲNH KIM NGỌC    | MINH   | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long                |  |
| 901 | 934 | 124806 | LÊ TRỌNG          | NGUYỄN | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 902 | 935 | 124826 | LƯU TUYẾT         | NHI    | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 903 | 936 | 124840 | HUỲNH PHƯƠNG      | NHU    | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 904 | 937 | 124847 | NGUYỄN TRẦN KHÁNH | NHU    | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ                |  |
| 905 | 938 | 124873 | NGUYỄN GIA        | PHÚC   | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 906 | 939 | 125019 | DƯƠNG HOÀNG       | THƠ    | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 907 | 940 | 125028 | NGUYỄN LÊ MINH    | THU    | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 908 | 941 | 125075 | PHAN CÔNG         | TÍNH   | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ                |  |
| 909 | 942 | 125093 | ĐÀO HOÀNG KHÁNH   | TRẦN   | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                       |  |
| 910 | 943 | 125100 | THÁI BỘI          | TRẦN   | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ         |  |
| 911 | 944 | 125105 | LÊ THUY PHƯƠNG    | TRANG  | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 912 | 945 | 125127 | LÝ HỒNG LAN       | TRINH  | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 913 | 946 | 125134 | MAI THANH         | TRÚC   | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ         |  |

|     |     |        |                   |        |       |                                                                  |  |
|-----|-----|--------|-------------------|--------|-------|------------------------------------------------------------------|--|
| 914 | 947 | 125151 | TRẦN NGỌC ANH     | TÚ     | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long                |  |
| 915 | 948 | 125163 | BÙI THANH         | TUYỀN  | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ                 |  |
| 916 | 949 | 125187 | TRƯƠNG NGỌC ANH   | VŨ     | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 917 | 950 | 125261 | NGUYỄN HOÀNG MINH | ANH    | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long                |  |
| 918 | 951 | 125460 | ĐỖ MAI HOÀNG      | HƯƠNG  | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 919 | 952 | 125535 | VÕ DUY            | KHÁNH  | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 920 | 953 | 125624 | NGUYỄN THÁI MINH  | LUÂN   | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 921 | 954 | 125632 | TRẦN NGỌC         | MÃN    | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 922 | 955 | 125708 | TRỊNH ANH         | NGỌC   | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ                 |  |
| 923 | 956 | 125713 | NGUYỄN ĐÌNH       | NGUYỄN | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 924 | 957 | 126394 | NGUYỄN TÂY        | HOA    | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 925 | 958 | 126872 | TSẦN THUẬN        | THẮNG  | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 926 | 959 | 126947 | LÊ QUANG          | TIỀN   | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 927 | 960 | 127539 | PHAN GIA          | KHANG  | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long                  |  |
| 928 | 961 | 128107 | LÊ TRỌNG KHÁNH    | THỊNH  | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                               |  |
| 929 | 962 | 128124 | KHUẤT THỊ MINH    | THƯ    | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                        |  |
| 930 | 963 | 128305 | PHẠM CÔNG         | VINH   | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 931 | 964 | 128355 | NGUYỄN NGỌC NHƯ   | Ý      | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                        |  |
| 932 | 965 | 129036 | VÕ ĐỨC            | PHÁT   | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                       |  |
| 933 | 966 | 131960 | LÊ TRẦN HIẾU      | ANH    | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 934 | 967 | 132311 | NGUYỄN HOÀNG MINH | KHÔI   | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ         |  |
| 935 | 968 | 132419 | NGUYỄN TRIỆU      | MINH   | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                       |  |
| 936 | 969 | 132461 | TẠ VŨ KHÁNH       | NGÂN   | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 937 | 970 | 132545 | LÊ NGỌC THẢO      | NHI    | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                           |  |
| 938 | 971 | 134162 | ĐOÀN MINH         | HOÀNG  | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 939 | 972 | 134195 | LÂM BÁ            | HUY    | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 940 | 973 | 134253 | HOÀNG LÊ ANH      | KHOA   | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 941 | 974 | 134548 | HUỲNH TẤN         | PHƯỚC  | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                               |  |
| 942 | 975 | 134751 | BÙI NGỌC BẢO      | TRẦN   | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                        |  |
| 943 | 976 | 134837 | VÕ TRẦN THANH     | VÂN    | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 944 | 977 | 134935 | ĐỖ PHƯƠNG         | ANH    | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 945 | 978 | 135098 | VŨ NGỌC BẢO       | CHÂU   | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 946 | 979 | 135191 | LÊ TRỌNG          | DUY    | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ                |  |
| 947 | 980 | 135225 | PHẠM THIÊN NGÂN   | HÀ     | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 948 | 981 | 135645 | TRẦN LÊ NGỌC      | MINH   | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |

|     |      |        |                          |        |       |                                                           |  |
|-----|------|--------|--------------------------|--------|-------|-----------------------------------------------------------|--|
| 949 | 982  | 135700 | NGUYỄN HỮU KIM           | NGÂN   | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long          |  |
| 950 | 983  | 136366 | ĐINH VĂN QUỐC            | VŨ     | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                 |  |
| 951 | 984  | 136531 | PHẠM TRẦN THỰC           | ANH    | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 952 | 985  | 136618 | NGUYỄN HOÀNG BẢO         | CHÂU   | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ  |  |
| 953 | 986  | 136737 | NGUYỄN VI                | HẠ     | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long               |  |
| 954 | 987  | 136787 | TÔN NỮ MINH              | HẠNH   | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ          |  |
| 955 | 988  | 136887 | PHẠM QUỐC GIA            | HUY    | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                  |  |
| 956 | 990  | 137033 | NGUYỄN ĐÌNH THIÊN        | KIM    | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long        |  |
| 957 | 991  | 137036 | NGUYỄN THIÊN             | KIM    | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long           |  |
| 958 | 992  | 137135 | NGUYỄN NGÔ THẢO          | MI     | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                 |  |
| 959 | 993  | 137142 | ĐỖ HOÀNG                 | MINH   | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long |  |
| 960 | 994  | 137205 | LÊ THỊ KIM               | NGÂN   | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long |  |
| 961 | 995  | 137303 | LÊ THÀNH                 | NHÂN   | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                 |  |
| 962 | 996  | 137350 | THẠCH HUỲNH THẢO         | NHI    | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                |  |
| 963 | 997  | 137399 | PHẠM BÁ                  | PHIA   | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                  |  |
| 964 | 998  | 137418 | ĐÀO HUỲNH TÂN            | PHÚC   | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 965 | 999  | 137419 | DƯƠNG HỒNG               | PHÚC   | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                 |  |
| 966 | 1000 | 137504 | NGUYỄN NGỌC NHƯ          | QUỲNH  | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                |  |
| 967 | 1001 | 137566 | LUU NGUYỄN PHƯƠNG        | THANH  | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long               |  |
| 968 | 1002 | 137592 | MAI THU                  | THẢO   | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long               |  |
| 969 | 1003 | 137612 | NGUYỄN MINH              | THIÊN  | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |
| 970 | 1004 | 137775 | VŨ NGỌC YẾN              | TRANG  | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                  |  |
| 971 | 1005 | 137876 | HỒ PHƯƠNG                | UYÊN   | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long               |  |
| 972 | 1006 | 137897 | TRẦN THỊ THANH           | VÂN    | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long        |  |
| 973 | 1007 | 137917 | PHẠM QUANG               | VINH   | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long        |  |
| 974 | 1008 | 137951 | TRẦN THỊ THANH           | VY     | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long        |  |
| 975 | 1009 | 138057 | NGÔ HOÀNG                | ANH    | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                 |  |
| 976 | 1010 | 138612 | NGUYỄN HOÀNG             | KHANG  | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ  |  |
| 977 | 1011 | 138820 | NGUYỄN VŨ KHÁNH          | LINH   | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                |  |
| 978 | 1012 | 139214 | TRẦN CHÍ NGUYỄN<br>TUYẾT | NHI    | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long |  |
| 979 | 1013 | 139509 | NGUYỄN NGỌC ĐAN          | THANH  | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long        |  |
| 980 | 1014 | 139629 | NGUYỄN SONG              | THƯỜNG | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long               |  |
| 981 | 1015 | 140238 | NGUYỄN KIM               | CÚC    | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long               |  |
| 982 | 1016 | 141053 | NGUYỄN HÀ BẢO            | NGÂN   | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                 |  |

|      |      |        |                   |        |       |                                                                  |  |
|------|------|--------|-------------------|--------|-------|------------------------------------------------------------------|--|
| 983  | 1017 | 141437 | LÊ TRẦN BẢO       | QUYÊN  | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                       |  |
| 984  | 1018 | 142487 | NGUYỄN NGỌC       | HÀ     | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long               |  |
| 985  | 1019 | 142900 | ĐOÀN              | LÂN    | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                        |  |
| 986  | 1020 | 143219 | LÊ HOAN           | NHÂN   | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                           |  |
| 987  | 1021 | 143433 | NGUYỄN QUỲNH AN   | PHƯƠNG | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 988  | 1022 | 143694 | HỒ LÊ ANH         | THY    | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ                 |  |
| 989  | 1023 | 144013 | VŨ NGUYỄN TUỜNG   | VY     | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 990  | 1024 | 144052 | BÀNH QUANG NGUYỄN | ANH    | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 991  | 1025 | 144061 | LÊ ĐỖ QUỲNH       | ANH    | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 992  | 1026 | 144068 | NGUYỄN HOÀNG DUY  | ANH    | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long               |  |
| 993  | 1027 | 144085 | TRẦN QUỲNH        | ANH    | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                       |  |
| 994  | 1028 | 144088 | VÕ QUỐC           | ANH    | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long                |  |
| 995  | 1029 | 144091 | PHẠM THỊ NGUYỆT   | ÁNH    | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 996  | 1030 | 144093 | BÙI QUỐC          | BẢO    | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ                 |  |
| 997  | 1031 | 144097 | LƯƠNG QUỐC        | BẢO    | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 998  | 1032 | 144103 | TÔN THẤT THIÊN    | BẢO    | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                           |  |
| 999  | 1033 | 144107 | LÊ PHƯƠNG         | BÌNH   | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 1000 | 1034 | 144120 | ĐOÀN HẢI          | ĐĂNG   | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long                  |  |
| 1001 | 1035 | 144132 | TRẦN NGÔ KHÁNH    | ĐOÀN   | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 1002 | 1036 | 144148 | NGUYỄN TRÍ        | DỪNG   | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 1003 | 1037 | 144156 | NGUYỄN ĐĂNG       | DUY    | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 1004 | 1038 | 144158 | PHẠM VINH         | DUY    | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long                  |  |
| 1005 | 1039 | 144226 | ĐÀO GIA           | KHANG  | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                       |  |
| 1006 | 1040 | 144236 | NGUYỄN KHẮC MINH  | KHANG  | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 1007 | 1041 | 144245 | LÊ PHƯƠNG         | KHANH  | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                               |  |
| 1008 | 1042 | 144247 | BÙI QUANG         | KHÁNH  | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                        |  |
| 1009 | 1043 | 144249 | ĐỖ LÊ NGỌC        | KHÁNH  | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long                 |  |
| 1010 | 1044 | 144250 | ĐUỜNG NGUYỄN NGỌC | KHÁNH  | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long               |  |
| 1011 | 1045 | 144267 | NGÔ ANH           | KHÔI   | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long               |  |
| 1012 | 1046 | 144295 | ĐẶNG NGUYỄN TRÚC  | LINH   | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long                  |  |
| 1013 | 1047 | 144299 | NGUYỄN DUY        | LINH   | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 1014 | 1048 | 144301 | NGUYỄN NGỌC THUY  | LINH   | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                       |  |
| 1015 | 1049 | 144303 | TRẦN NGUYỄN KHÁNH | LINH   | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long               |  |
| 1016 | 1050 | 144306 | NGUYỄN HOÀNG      | LỘC    | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 1017 | 1051 | 144310 | TRẦN HIỀN         | LONG   | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |

|      |      |        |                   |        |       |                                                                  |  |
|------|------|--------|-------------------|--------|-------|------------------------------------------------------------------|--|
| 1018 | 1052 | 144320 | NGUYỄN QUANG      | MINH   | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 1019 | 1053 | 144325 | CAO HOÀI          | MY     | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 1020 | 1054 | 144340 | TRẦN NHẬT         | NAM    | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 1021 | 1055 | 144352 | TẠ KIM            | NGÂN   | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 1022 | 1056 | 144369 | HUỲNH TRUNG       | NGHỊ   | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long                  |  |
| 1023 | 1057 | 144371 | LÂM THÀNH         | NGHĨA  | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                           |  |
| 1024 | 1058 | 144378 | PHAN NGUYỄN BẢO   | NGỌC   | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long                 |  |
| 1025 | 1059 | 144383 | HOÀNG HẠNH        | NGUYỄN | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                               |  |
| 1026 | 1060 | 144389 | PHẠM KHÔI         | NGUYỄN | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 1027 | 1061 | 144420 | LÊ NGỌC BỬU       | NHIÊN  | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                           |  |
| 1028 | 1062 | 144421 | QUẢNG MINH DI     | NHIÊN  | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 1029 | 1063 | 144422 | ĐẶNG QUỲNH        | NHU    | 10K1  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin -TCTA - Cầu Long                  |  |
| 1030 | 1064 | 144437 | PHẠM TUẤN         | PHONG  | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                        |  |
| 1031 | 1065 | 144446 | ĐẶNG QUÝ          | PHÚC   | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 1032 | 1066 | 144459 | VŨ ĐẶNG HOÀNG     | PHÚC   | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 1033 | 1067 | 144460 | NGUYỄN TẤN        | PHƯỚC  | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 1034 | 1068 | 144463 | CHÂU NGỌC MAI     | PHƯƠNG | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ                 |  |
| 1035 | 1069 | 144467 | LUU THANH         | PHƯƠNG | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 1036 | 1070 | 144484 | NGUYỄN DUY        | QUANG  | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 1037 | 1072 | 144494 | NGUYỄN NHƯ        | QUỲNH  | 10K3  | Kết hợp: Lý - Hóa -Địa - Tin - Bóng rổ                           |  |
| 1038 | 1073 | 144497 | VÕ THỊ NHƯ        | QUỲNH  | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                       |  |
| 1039 | 1074 | 144516 | LÊ CÔNG THIÊN     | THẠCH  | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ         |  |
| 1040 | 1075 | 144530 | ĐỖ HOÀNG ANH      | THẢO   | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 1041 | 1076 | 144544 | TRẦN LẠC          | THIÊN  | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ                |  |
| 1042 | 1077 | 144546 | BUI BÀ            | THỊNH  | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                       |  |
| 1043 | 1078 | 144547 | NGUYỄN ĐỨC        | THỊNH  | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long                |  |
| 1044 | 1079 | 144553 | TRẦN THANH        | THOẠI  | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                               |  |
| 1045 | 1081 | 144563 | QUÁCH NGỌC MINH   | THƯ    | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ                 |  |
| 1046 | 1082 | 144572 | ĐỖ NGỌC XUÂN      | TIÊN   | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 1047 | 1083 | 144573 | KIỀU PHẠM THUY    | TIÊN   | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ         |  |
| 1048 | 1084 | 144587 | TRẦN NGỌC HUYỀN   | TRẦN   | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 1049 | 1085 | 144594 | TRẦN PHẠM HOÀNG   | TRÍ    | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 1050 | 1086 | 144595 | TRƯƠNG MINH NHÂN  | TRÍ    | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 1051 | 1087 | 144604 | LƯƠNG HUYỀN THANH | TRÚC   | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                       |  |
| 1052 | 1088 | 144605 | NGUYỄN THỊ THANH  | TRÚC   | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |

|      |      |        |                  |        |       |                                                                  |  |
|------|------|--------|------------------|--------|-------|------------------------------------------------------------------|--|
| 1053 | 1089 | 144607 | PHẠM NGỌC THANH  | TRÚC   | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 1054 | 1090 | 144614 | ĐIỀU ĐỨC         | TUẤN   | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 1055 | 1091 | 144617 | PHẠM MINH        | TUẤN   | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 1056 | 1092 | 144635 | PHAN NGỌC TUỜNG  | VÂN    | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long               |  |
| 1057 | 1093 | 144641 | PHÙNG QUỐC       | VIỆT   | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                       |  |
| 1058 | 1094 | 144649 | LÊ TRẦN PHƯƠNG   | VY     | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ         |  |
| 1059 | 1095 | 144718 | PHẠM QUỲNH       | ANH    | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 1060 | 1096 | 144724 | THÁI NAM         | ANH    | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 1061 | 1097 | 144739 | LÂM THANH        | BẰNG   | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 1062 | 1098 | 144745 | LÊ MINH          | BẢO    | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 1063 | 1099 | 144773 | VÕ NHẬT MINH     | ĐĂNG   | 10D02 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Bóng rổ                |  |
| 1064 | 1100 | 144810 | ĐÌNH TRƯỜNG      | DUY    | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 1065 | 1101 | 144834 | HUỲNH LÊ GIA     | HÂN    | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                       |  |
| 1066 | 1102 | 144930 | PHẠM GIA         | HY     | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 1067 | 1103 | 145075 | VÕ MỘNG THÚY     | MI     | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 1068 | 1104 | 145087 | LÊ TUỜNG         | MINH   | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 1069 | 1105 | 145124 | NGUYỄN DUY HỒNG  | NGÂN   | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ         |  |
| 1070 | 1106 | 145141 | NGUYỄN QUỲNH     | NGHI   | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                        |  |
| 1071 | 1107 | 145208 | NGUYỄN THUY Ý    | NHI    | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 1072 | 1108 | 145218 | VÕ NGUYỆT        | NHI    | 10A04 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 1073 | 1109 | 145273 | NGUYỄN NHẬT      | PHƯỚC  | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ                 |  |
| 1074 | 1110 | 145284 | CAO XUÂN         | QUÂN   | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 1075 | 1111 | 145286 | LÊ MINH          | QUÂN   | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 1076 | 1112 | 145303 | NGUYỄN THÀNH     | QUANG  | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                        |  |
| 1077 | 1113 | 145339 | NGÔ MINH         | TÂM    | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ         |  |
| 1078 | 1114 | 145344 | NGUYỄN ANH       | TÂN    | 10A02 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 1079 | 1115 | 145376 | HOÀNG TRẦN CÁT   | THỊNH  | 10D03 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Cầu Long                |  |
| 1080 | 1116 | 145380 | NGUYỄN TRƯỜNG    | THỊNH  | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 1081 | 1117 | 145429 | TRẦN THANH       | TRÀ    | 10A13 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 1082 | 1118 | 145456 | HUỲNH PHẠM THUY  | TRANG  | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                               |  |
| 1083 | 1119 | 145496 | LÊ NGUYỄN ANH    | TRƯỜNG | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 1084 | 1120 | 145513 | ĐẶNG NGUYỄN VĨNH | TUỜNG  | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 1085 | 1121 | 145594 | LIV NGỌC         | AN     | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 1086 | 1122 | 145663 | PHẠM TÚ          | ANH    | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long               |  |
| 1087 | 1123 | 145802 | NGUYỄN HUỲNH MỸ  | DUYÊN  | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |

|      |      |        |                   |       |       |                                                                  |  |
|------|------|--------|-------------------|-------|-------|------------------------------------------------------------------|--|
| 1088 | 1124 | 145846 | NGUYỄN THANH MINH | HẰNG  | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                        |  |
| 1089 | 1125 | 145868 | PHẠM TRUNG        | HIẾU  | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 1090 | 1126 | 145917 | NGUYỄN NHỮ QUANG  | HUY   | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 1091 | 1127 | 145949 | HOÀNG NGỌC BẢO    | KHANH | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 1092 | 1128 | 146042 | LÊ TỔNG KHÁNH     | LINH  | 10A09 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 1093 | 1129 | 146048 | NGUYỄN PHƯƠNG     | LINH  | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                        |  |
| 1094 | 1130 | 146117 | HOÀNG KỶ          | NAM   | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long                 |  |
| 1095 | 1131 | 146136 | BUI NGUYỄN QUỲNH  | NGHI  | 10A15 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Bóng rổ                               |  |
| 1096 | 1132 | 146144 | NGUYỄN HOÀNG GIA  | NGHI  | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 1097 | 1133 | 146150 | VŨ HOÀNG BẢO      | NGHI  | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                       |  |
| 1098 | 1134 | 146158 | DƯƠNG LÊ BẢO      | NGỌC  | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 1099 | 1135 | 146198 | DƯƠNG MINH        | NHẬT  | 10A03 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Bóng rổ                        |  |
| 1100 | 1136 | 146214 | NGUYỄN NGỌC TÚ    | NHI   | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 1101 | 1137 | 146251 | MAI THÈ HUY       | PHÁT  | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                       |  |
| 1102 | 1138 | 146272 | NGUYỄN VY         | PHÚ   | 10A14 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 1103 | 1139 | 146283 | LÊ TIẾN           | PHƯỚC | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 1104 | 1140 | 146337 | HOÀNG PHƯƠNG      | QUỲNH | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ                 |  |
| 1105 | 1141 | 146342 | NGUYỄN THIÊN XUÂN | QUỲNH | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 1106 | 1142 | 146448 | TRẦN NGUYỄN ANH   | THƯ   | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 1107 | 1143 | 146522 | TRẦN MINH         | TRÍ   | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                       |  |
| 1108 | 1144 | 146523 | TRẦN QUỐC         | TRÍ   | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ         |  |
| 1109 | 1145 | 146541 | NGÔ BUI THANH     | TÚ    | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                        |  |
| 1110 | 1146 | 146550 | TÔ HỮU ANH        | TUẤN  | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long               |  |
| 1111 | 1147 | 146620 | NGUYỄN TUÔNG      | VY    | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 1112 | 1148 | 146622 | TRẦN NGỌC YẾN     | VY    | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long               |  |
| 1113 | 1149 | 147049 | NGUYỄN KHÁNH      | HUÂN  | 10A06 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 1114 | 1150 | 147134 | NGUYỄN PHÚC AN    | KHANG | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 1115 | 1151 | 147585 | PHẠM HOÀNG VÂN    | PHI   | 10A10 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Bóng rổ         |  |
| 1116 | 1152 | 147971 | ĐÀO BẢO           | TRÂN  | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                       |  |
| 1117 | 1153 | 148122 | TRẦN NGỌC NHÃ     | UYÊN  | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 1118 | 1155 | 148300 | DƯƠNG QUỲNH       | ANH   | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 1119 | 1156 | 148452 | TRẦN MINH         | CHÂU  | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 1120 | 1157 | 148517 | CÙ MINH           | ĐỨC   | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 1121 | 1158 | 148720 | NGUYỄN MINH       | HOÀNG | 10A16 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ -TCTA - Cầu Long                 |  |
| 1122 | 1159 | 148848 | LÊ HOÀNG AN       | KHANH | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                        |  |

|      |      |        |                   |       |       |                                                                  |  |
|------|------|--------|-------------------|-------|-------|------------------------------------------------------------------|--|
| 1123 | 1160 | 149004 | NGUYỄN HỒ NGỌC    | LINH  | 10D04 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -MOS - Bóng rổ                 |  |
| 1124 | 1161 | 149237 | NGUYỄN LÊ BẢO     | NGỌC  | 10D05 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -Ngoại ngữ 2 (pháp) - Cầu Long |  |
| 1125 | 1162 | 149331 | LÊ THIÊN          | NHI   | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                        |  |
| 1126 | 1164 | 150449 | NGUYỄN HỒ HOÀNG   | NAM   | 10A01 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -TCTA - Cầu Long                       |  |
| 1127 | 1165 | 151377 | LƯU HỒNG          | NGỌC  | 10K2  | Kết hợp: Lý - Hóa -GDKTPL- Tin - Cầu Long                        |  |
| 1128 | 1168 | 160117 | HUỲNH PHẠM HƯƠNG  | THẢO  | 10D07 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 1129 | 1169 | 173203 | HUỲNH ĐĂNG        | KHOA  | 10D01 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý -TCTA - Cầu Long               |  |
| 1130 | 1170 | 173220 | ĐẶNG TUẤN         | KIỆT  | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 1131 | 1171 | 173345 | PHẠM HỒNG         | PHÁT  | 10A17 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Công nghệ - Cầu Long                       |  |
| 1132 | 1172 | 173910 | VŨ PHẠM MINH      | NGỌC  | 10D06 | KHXXH: Địa -GDKTPL- Công nghệ- Lý- Cầu Long                      |  |
| 1133 | 1173 | 174095 | NGUYỄN KHÁNH      | TOÀN  | 10A07 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 1134 | 1174 | 176427 | LÊ QUANG ANH      | KHÔI  | 10A05 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Bóng rổ                         |  |
| 1135 | 1175 | 176512 | NGUYỄN NGỌC HOÀNG | LY    | 10A08 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -MOS - Cầu Long                        |  |
| 1136 | 1177 | 177355 | TRẦN HOÀNG THUY   | DƯƠNG | 10A12 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh-Tin - Cầu Long                              |  |
| 1137 | 1180 | 181242 | TRẦN THÁI THUY    | LINH  | 10A11 | KHTN: Lý - Hóa -Sinh- Tin -Ngoại ngữ 2 ( pháp) - Cầu Long        |  |
| 1138 | 1181 | 184219 | NGUYỄN MINH       | ĐĂNG  | 10D08 | KHXXH: Địa- GDKTPL-Âm nhạc- Sinh- Cầu Long                       |  |